

DI - CẢO CU
Minh - Viên HUỖNH - THỨC - KHÁNG

PHAN
TÂY - HỒ
TIỀN - SINH
Lịch - sử



1959
ANH - MINH XUẤT - BẢN
- HUẾ -

Minh - Viên HUỖNH - THỨC - KHÁNG

PHAN - TAY - HO

Tiên-sinh lịch-sử



1959

ANH-MINH (Huế) XUẤT-BẢN

LỜI NHÀ XUẤT-BẢN

Chỉ có Phật mới biết Phật (duy Phật thức Phật), tư tưởng ăn tàng của các nhà chí sĩ, trừ phi bậc đồng tâm đồng chí, không ai hiểu thấu, còn người thường đâu có hiểu đến chăng cũng chỉ hiểu một phần nào thôi.

Lịch sử cụ Tây-Hồ Phan-châu-Trinh, gần đây đã có nhà xuất bản, nhưng không thể nào rõ được tường tận, chưa nói lắm chỗ sai lầm.

Cụ Minh-Viên Huỳnh-Thúc-Kháng viết về cụ Tây-Hồ, tưởng không phải nói thừa. Vì ngoài những lời phê bình chân xác, còn có những « dặt sự » không ai biết được. Hai nhà tiền bối, ngoài chỗ đồng tâm, đồng chí, lại còn đồng châu, đồng quận, đồng song ; từ thuở thiếu thời trong các cuộc thi hý cũng như học tập, đều có nhau, và ngày sau theo đuổi một chủ nghĩa cho đến ngày cái quan, hai Cụ vẫn như hình với bóng.

Hiểu thấu nhau từ khi nhỏ, cho nên ngày cụ Tây-Hồ xin đi Pháp sau ngày ra khỏi ngục Côn-Lôn, các đồng bối lao nhao có lời dị nghị, chỉ riêng cụ Minh-Viên có bài thi tiễn-biệt đầy mối cảm thông :

Cô tra nhưt tạc độ Phù-Tang,
Tây hải điều điều hựu thử hàng.
Chích thủ quán tông cao xứ trước,
Bán sanh toàn vị quốc quần mang.
Luận hành Dân-ước tuân Lư-lão,
Đạo nhập khoa tây điệu Nã-hoàng.
Thử địa tự-do hoa chính hảo,
Bằng quân dị chủng đảo Viêm phương.

*DỊCH : (Năm trên tách dặm thẳng Phù-Tang,
Ấu-lục ngày nay vượt bể sang.
Nhắm thế cờ cao toan đặt ngón,*

*Trọn đời việc nước khéo đa mang.
Luận Lư-Xca đó tìm Dân-ước,
Mộ Nã - hoàng đây đốt nén hương.
Thờ sản tự do hoa chính đấy,
Nhờ người đem giống đến Nam phương).*

Bài thi ấy tỏ rằng Cụ Mịch - Viên đã gửi mỗi hy vọng nơi cuộc Pháp-du của Cụ Tây-Hồ.

Bản PHAN-TÂY-HỒ TIÊN - SINH LỊCH-SỬ này, cụ Minh-Viên thảo ra trong khi côi quạnh ở quê nhà tại làng Thạnh-Bình, sau ngày cụ Tây - Hồ từ trần, năm 1926, đến nay đã 33 năm, bản thảo vẫn còn y nguyên. Nay chúng tôi cho xuất-bản, không thêm bớt một cái phẩy nào, để hùn một tài liệu quý giá trong kho tàng lịch-sử danh-nhân nước nhà.

Huế, ngày 1 - 7 - 59.

ANH - MINH



Chân-dung Cụ
HUỲNH - THÚC - KHÁNG
(Chụp năm 1927)

BÀI TỰA

Làm một người chí-sĩ đã khó, mà làm chí-sĩ một nước đã mất rồi, lại càng khó. Chí-sĩ nước mất rồi đã khó, mà chí-sĩ nước đã mất rồi như nước Việt-Nam ta trong khoảng đầu thế-kỷ hai mươi này, lại càng khó nữa: trên thì một nước văn-minh cường-thạnh nhất trong thế giới, thì cái chánh-sách bảo-hộ khôn khéo chặt chẽ, ra thần vào quỷ, đề đầu chặn cò; trong thì đám quan đảng, chiếm cả thế lực trong nước, gốc chắc rễ bền, thành cao ao sâu, ôm chặt cái chánh-thể chuyên-chế mấy mươi đời, cạy cái pháp-luật độc ác đó đề ngậm độc hại người; giữa thì bọn Hán học mục xương, bọn Âu-học đầu lười, cũ không thành cũ, mới chẳng ra mới, dơ gác vênh vênh, chia nhà cắt ngõ, chống chọi nhau mà không sao hiệp một được; dưới thì mười mấy triệu dân ngu, giả dui điếc câm què, mà lại ốm đau đói rách, sống say chết ngủ, ngư ngáo lao nhao, chỉ cúi tai gai trốt, nhắm mắt theo càn.

Một người chí-sĩ có lòng yêu nước mà ở trong hoàn - cảnh như thế, khác nào bị vấy giữa trận giặc, đầy đất chông gai, tứ bề tên đạn, sức mình đã không chống nổi, mà cũng không trông mong vào đâu là người tới cứu mình; trừ một cách thoát thân ra vòng ngoài, làm sách, làm báo đề kêu vang tỉnh thức người trong nước, như ông Sào-Nam đã làm đó, hầu như không còn mớ tay vào chỗ nào được!

Thế mà cùi cùi một mình, xông pha trăm ngã, gây thù chác oán, ngậm đắng nuốt cay, càng ngã xuống, càng đứng lên, càng bị thua, càng hăng hái, trước sau ôm một chủ-nghĩa, lăn mình, vào cái cảnh khò đã nói trên, mà tìm một con đường rộng cùng ông Sào-Nam chia đường đưa tới đề cấm nêu chỉ lối cho người sau.

Ấy, dầu như đóm thức không đủ, nhiệt thành không tới nơi,

làm sao lui mà địch vượt xã-hội, tới mà dẫn đường cho xã - hội, mà làm một đấng tiên thòt nhón vật ít ỏi như thế ?

Tuy là công vẫn chưa th`nh, chí vẫn chưa thỏa, còn đợi có người sau tiếp theo, và lại cả nước xem như kẻ cừu, trọn đời chìm trong bể khổ, mà nhà cái chán-lý là trận chiến thắng cuối cùng, đến lúc cái - quan (1) mà công luận lại càng rõ rệt, tin buồn truyền khắp nơi, đồng bào sa nước mắt ; dầu cho những kẻ bình nhậ muốn đâm muốn giết, muốn làm cho đầy đọa cực khổ để hả lòng giận riêng của mình, trông thấy cảm tình quốc dân đối với một người chí-sĩ, sùng bái hình hương không thể nào ngăn được, cũng phải động vía mà rùng mình, không biết tại có gì vậy !

Than ôi ! Không phải hào-kiệt mà được thế ru ! Thì Phan Tây-Hồ tiên-sinh ta, chính một người như thế.

Vậy tóm cả sự tích một đời tiên-sinh, chia mấy thòt-kỳ làm một quyển sử, trước biều bạch tâm sự một người đại chí-sĩ, sau cũng đề làm gương cho người sau, ấy cũng là nghĩa-vụ một người học giả đối với quốc dân mà phải gắng vậy.

Thanh - Bình, tháng 6 năm 1926.

Mính - Viên HUỖNH - THỨC - KHÁNG

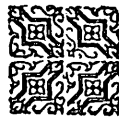
(2) CÁI QUAN: nghĩa là đầy nấp quan tài lại, là chết rồi. Danh - thần đời Minh có câu: «Cái quan luận định», nói người đã chết rồi mới chắc là người thế nào.

PHAN-TÂY-HỒ

Tiên-sinh Niên-biểu-dồ

- 1872 (Nhâm-thân) : 1 tuổi —
- 1881 (Tân-mão) : 10 tuổi — đi học mãi 4 năm.
- 1885 (Ất-dậu) : 14 tuổi — Hàm-Nghi nguyên-niên Kinh-thành thất thủ. Bỏ học ở núi 2 năm.
- 1887 (Đinh-hợi) : 16 tuổi — ở núi về nhà.
- 1888 (Mậu-tý) : 17 tuổi — bắt đầu học lại; học ở nhà với ông Bùi-Giám 4 năm.
- 1892 (Nhâm-thìn) : 21 tuổi — Học trường ông Cử An-Tráng; giao Minh-Viên.
- 1893 (Quý-tỵ) : 22 tuổi — Học với ông Huấn Lộc Sơn tại Cầm-Y một năm.
- 1894 (Giáp-ngọ) : 23 tuổi — thi khoa đầu, hồng trường nhì (Trung-Nhật chiến tranh).
- 1895 (Ất-mùi) : 24 tuổi — Học với quan Giáo Lượng Sơn tại phủ Thăng, lại học cụ Huấn Lộc Sơn ở Phú-Lâm.
- 1896 (Bính-thân) : 25 tuổi — Học với ông Nghè Xuân-Đài ở phủ Thăng.
- 1897 (Đinh-dậu) : 26 tuổi — Đi thi hồng trường ba rồi ở nhà.
- 1898 (Mậu-tuất) : 27 tuổi — Học với cụ Đốc Trần-Mã-Sơn; giao Thai-Xuyên.
- 1899 (Kỷ-hợi) : 28 tuổi — Bỏ vào Học sinh trường Tỉnh.
- 1900 (Canh-tý) : 29 tuổi — Đồ cử nhân (Trung-quốc liên-binh nhập Bắc-kinh).
- 1901 (Tân-sửu) : 30 tuổi — Đồ Phó-Bảng.
- 1902 (Nhâm-dần) : 31 tuổi — Ở nhà, vì ông anh cả mất.
- 1903 (Quý-mãc) : 32 tuổi — Pò làm Thúc-tiện hộ Lễ

- ở Kinh ; học tân học.
- 1904 (Giáp-thìn) : 33 tuổi — (Nhật-Nga chiến-tranh) giao Sào-Nam cùng Thành-Mỹ (Tiêu-La)
- 1905 (Ất-tý) : 34 tuổi — Nam du, làm bài phú « Danh sơn lương ngọc »
- 1906 (Bính-ngọ) : 35 tuổi — Bắc du tới đồn°Đề-Thám, sang Tàu, Nhật rồi về gửi thơ Pháp chính-phủ.
- 1907 (Đinh-mùi) : 36 tuổi — Ra Hà-thành diễn thuyết ở Đông - kinh nghĩa - thực (Duy - Tân nguyên-niên).
- 1908 (Mậu-thân) : 37 tuổi — Trung-kỳ dân biến, dạy rạ Côn-Lôn 3 năm.
- 1911 (Tân-hợi) : 40 tuổi — Tha về Sàigon rồi đi Tây, gửi thư cho Hội nhân-quyền.
- 1912 (Nhâm-tý) : 41 tuổi — Ở Pháp, tại Kinh thành Paris cho đến năm 1925.
- 1914 (Giáp-dần) : 43 tuổi — Bị giam 9 tháng ở ngục Santé (Paris).
- 1916 (Bính-thìn) : 45 tuổi — Khải-Định nguyên niên
- 1922 (Nhâm-tất) : 51 tuổi — Gửi thơ cho ông vua Khải-Định.
- 1925 (Ất-sửu) : 54 tuổi — Về nước diễn thuyết tại Hội Thanh-niên (Saigon).
- 1926 (Bính-dần) : 55 tuổi — Lúc 8 giờ tối ngày 24 tháng 3, mất tại số 54 đường Pellerin Saigon.



I

GIA-THỂ BUỔI NHỎ CÙNG THỜI-KỲ HỌC CỬ-NGHIỆP (Từ nhỏ đến 30 tuổi).

Tiên-sinh họ Phan, tên Châu-Trinh, tự Tử-Cán, hiệu Tây-Hồ, biệt hiệu Hy-Mã, quê ở làng Tây-Lộc, huyện Tiên-Phước, phủ Tam-Kỳ, (trước là huyện Hà-Đông, phủ Thăng-Bình), thuộc tỉnh Quảng-Nam (nay xã Phước - Long, Quận Tiên - Phước). Gia thế là một nhà vọng - tộc trong huyện.

Ông bà tổ (người ta gọi là ông Điền, bà Điền), nhà giàu mà tính hào, thường hay giúp kẻ nghèo khó, có tiếng nhân đức, xa gần đều biết. Ông thân - sinh tên là Bình, học trò thi, quyền Bá-Hộ, làm Quản-Cơ Sơn-phòng, tán tài kiết khách, thanh gươm yên ngựa, có chí muốn lập công danh. Mẹ họ Lê, con nhà danh tộc làng Phú-Lâm, có đức hiền lành, sinh ba người con trai, lớn Phan-Văn-Cư, thứ Phan-văn Uyên, tiên-sinh là con thứ ba, sinh năm 1872 (Tự-Đức Nhâm-Thân).

Tiên-sinh buổi nhỏ mất mẹ, đang thời-kỳ ấu-học, gặp khoảng nhà nước nhiều việc; Nam-kỳ đã cắt làm nhượng-dịa, Bắc-kỳ cũng mở làm phụ - đầu, mà trong xứ, vùng Hàn-Hải, Trà-Sơn, hàng ngày thường nghe tiếng súng (dân gian có câu ca dao rằng : « Tai nghe tiếng nổ cái dùi, tàu Tây đã đến vùng thung anh ơi ! »). Trên Triều - đình thì nội chánh lồi thối, ngoại-giao rắc rối, đánh đã không xong, hòa cũng không được, kể đã cùng rồi ; tiếp đến nạn năm Ất-Dậu (1895). Kinh-thành Huế thất thủ, vua Hàm - Nghi phải chạy trốn, mà việc nước hỏng cả, không còn chuyện gì nói được nữa. Tiên-sinh nhỏ mà thông-minh, ông Cụ đi đâu thường hay đem theo. Lúc đó hội Cần-vương khắp cả trong nước, mà ông Cụ cũng người trong hội ấy, thường ở Đồn kim-khoáng A-Bá (ở miền nguồn huyện Tiên-Phước), tiên-sinh mới 14 tuổi, bỏ học đi theo, thường đi săn bắn trong núi, tập việc cung mã.

Năm 1887 (Đồng-Khánh Đinh-hợi), ông Cụ bị nạn, hội Cần

vương trong tình cũng tan, tiên-sinh mới về nhà thì đã 16 tuổi rồi. Huyết-thống di-truyền cùng gia-đình giáo-dục, đã nắn sẵn một cá; đặc tính vì nước quên nhà từ lúc nhỏ.

Cái họ: khoa-cử ở nước ta, đã thành ra không khí cha dạy con, thầy bảo trò, anh em bạn khuyên nhau, gần như trong đời không có việc thứ hai nữa; cho đến nỗi nhà nước suy mòn, giống nòi tan tíc, mà sĩ-phu trong nước cứ say mê trong vực ấy mà không tỉnh dậy, Tập tục xoay người, dầu cho người hiền-hào cũng không tránh khỏi. Ở trong không khí như vậy, ít nhiều sao cũng có lụy, Tiên-sinh chất đá thông minh, chí lại sâu sắc, hạ xuống mà làm nghề ấy, tuy tuổi lớn mới học, mà học ít hiểu nhiều, đọc sách có con mắt riêng, làm văn tạo xuất cách mới, không làm những lối tìm câu lật chữ, vẽ bóng pha màu như bọn văn - sĩ xằng.

(Tiên-sinh thích học sách Luận-ngữ, Mạnh-tử, cùng các môn Sử, Kinh - Thi, Thơ, Xuân-Thu có xem đến, còn kinh khác thì không thêm dè mắt vào). Bất kỳ đề-mục gì, vào đến tay tiên-sinh thì sao cũng mở ra một lối mới đề tỏ ý bi-ca khẳng-khải của mình. cử-nghịệp là một nghề thừa đó thôi, song cũng cách xa bọn «học con sáo» nọ xa lắm.

Từ khi ở núi về, nhà cửa cháy nát, chẳng còn chút gì. Người anh cả sửa sang chỉnh đốn, trước thầy về nhà cho tiên-sinh bắt đầu học lại. Học trong nhà hơn bốn năm, (Thầy dạy đầu tiên là Bùi - Giám, một người túc-ngho trong làng) mới ra du học các nơi (Trường ông Cử An-Tráng, ông Huấn Lộc-Sơn, ông Giáo Lương-Sơn, ông Ngõ Xuân-Đài, xem ở niên-biêu). Tới đâu nổi tiếng đó, những kẻ thức-giả ai cũng cho là một tay hào-khiet. Năm 1899 (Kỷ-hợi), cụ Đốc Trần Mát-Sơn bỏ vào Học sinh ở trong tỉnh; năm 1900 (Canh-Tý) đỗ Cử-nhân thứ ba; năm 1901 Tân-sửu đỗ Phó-bảng, lúc đó tiên-sinh đúng 30 tuổi.

II

LÀM BỘ-THUỘC Ở KINH CÙNG THỜI-KỲ TÂN-HỌC DU NHẬP (từ 30 tuổi đến 33 tuổi)

Chính-thề chuyên-chế tầng tầng đè nén nhau, nên trong quan-trường đặt ra vô số giai-cấp. Kinh-dô Huế chính một nơi thế lực to lớn trong đám quan-trường, nên bọn cầu danh cầu lợi, thường phải sa chùn tại đó. Cái mục đích có một không hai của bọn đó là : Kháo chịu quan trên cho đăng danh dự, chức ngày thăng trật, đăng làm quan to. Vì thế nên những người ngày nay vech đóc ngồi cao, an nhiên chịu người ta đùa hót mành mà không lấy làm lạ đó đó tức là những người ngày trước đã từng lòn gối cúi đầu đùa hót người ta mà không biết xấu vậy. Một thói giũ dối tập lâu thành quen trừ ra huyện làm quan và lo làm quan, không còn có việc gì nữa. Thỉnh thoảng cũng có một đôi người đang lúc ban đầu, còn biết quý sĩ, mà vào trong ít lâu, lòng hoạn đức hoạn thất, nước sữa hòa lẫn nhau, những tính khí gốc ngày trước hóa ra tròn cả ! Cho nên Kinh-dô chính là một cái lò lớn, đúc ra tính-chất thứ hai người ta đó, thế mà không lấy điều đó mà luật Phao tiên-minh được.

Lệ thường, đồ đại khoa ra Kinh, bắt đầu đã bổ Viên Hàm (Hàn-Lâm, Biên-Tu, Kiềm-Thảo, Trước-Tác, v. v. . .) làm thuộc viên trong các bộ đăng học tập chính-sự, hoặc một năm, hoặc hai năm chẳng hạn, rồi bỏ ra làm Tri-phủ, Tri-huyện, v.v... Một anh học trò nhì quê được một thanh chức như thế, thanh giá biết chừng nào ! « Việc quan đã thông thả, không chức trách gì, mà lại bổng đến tháng thì cấp, trật đủ năm thăng, cái hạnh phúc cao xa tứ mã, vinh thân phì gia ngày sau đã thấy rõ tới trước mặt. Ai được cái địa vị như thế, mà không lo hai tay ôm chặt, sợ rủi rọ mà sây đi lom khom nhòm nhém cho qua ngày, khăn áo cho đẹp, da mặt cho trơn, ngực đeo thẻ bài ngà, chun mang đôi giày hạ, vát mặt tưng đắc mà khoe với người ta rằng : « Cụ lớn yêu tôi ! Cụ lớn yêu tôi ! » Thứ Hàn-lâm chúng ta thuở nay chỉ trà cho ngon là đủ việc nước quách thầy, cam chi mình mà nói cho mệt ! ».

Ấy, thói thường liêu-thuộc ở Kinh như thế. Song Tiên-sinh thì khác hẳn :

Đầu hết phải sang trường Quốc-học, học chữ tây với bạn đồng bảng, tiên-sinh lấy có lớn tuổi, không chịu học, quan Đốc trả về bên Bộ, mới bổ chức Thừa-Biện Bộ Lễ. Lúc đầu tiên-sinh cũng vào ra với bọn liêu-thuộc, nghĩ rằng chắc có công việc hăng ngày phải làm ; ít lâu biết rằng không có việc gì, chẳng qua là đường tắt núi Chung-Nam (I) ở giữa chốn Kinh - đô, không lấy gì làm điều nữa : câu cá đánh chim, thích đầu đi đó, không khác gì lúc ở nhà thường ; có khi vài tháng không tới Bộ. Ông Thượng Bộ Lễ (Cụ Lê-Trinh) cười mà bảo người ta rằng : « Bộ tôi có một anh Thừa-Biện mà cả năm tôi không thấy mặt », là lời nói ghật đó !

Một người thích thắng như tiên-sinh, mà lọt vào trong một đám bó buộc như vậy, những điều tiếp xúc đã không chịu được, gia dĩ mắt thấy cuộc đời' lòng lo việc nước, thường sinh lòng bực tức, thỉnh thoảng lại thò lộ ra bề ngoài, người ta cười rằng : « Việc Triều-Đình thì đã có Công-hầu Khanh-tướng, một tên Thừa-Biện nhỏ mọn mà dám cả gan nói đến việc nước, không phải là người điên kay sao ? » Tiên-sinh nghe thế, chỉ cười ngậm mà thôi, lại càng ham bàn việc đời ; đương khi giữa đám đông người, nói to la lớn, không kiêng kỵ gì, như trước mắt không có ai cả ! Những người nghe nói, nhắm mắt le lưỡi, có kẻ sợ mà lén trở đi, khiến đám ngồi nghe cho hết lời.

Đương khoản mấy năm đó, người nước Tàu đã trải qua một cuộc Trung-Nhật chiến tranh (1894), đã hơi tỉnh dậy, lại tiếp đến cuộc Mậu-Tuất chính biến, Canh-Tý liên binh, sách mới, báo mới xuất hiện đã tràn qua nước ta, mà ảnh hưởng nhất là sách của Khang-hữu-Vi cùng Lương-khải-Siêu, vì sách ấy nói dân-quyền tự-do, phát minh được chân tướng văn minh Âu-Tây nhiều. Tiên-sinh thường qua lại với ông Thân-trọng-Huê (1) Đào-nguyên-Phò (2) mượn sách ấy xem, trong lòng ham thích quên ngủ, quên ăn, từ đó trong tư tưởng đòi hỏi ra một cách mới mẻ.

Tiên-sinh dõm thức hơn người, lại giàu đường huyết tánh, từ tuổi nhỏ đi học đã đề con mắt xem đời mà chứa sẵn một lòng yêu nước. Song khổn vì ở trong nhà quê, chung quanh rành những xá hội hủ bại, bình sanh được thấy, chỉ toàn một lớp tuồng đảng Cín-vương mà thôi. Nghe thấy đã hẹp hòi, lịch duyệt cũng chưa rộng, nhiều khi cảm xúc mà không bởi đâu mở mang ra, cho việc đời là không làm gì được (Thời sự vô khả vi) trong lòng uất ức thường lăm ra thì văn đề tỏ ý mình :

« Thôi cũng cùng đường xem cuộc thế.

Có dầu dư bụng chứa tuồng đời.

(Chỉ hợp đão đầu quan sự thế.

« Diệc ưng mãn đồ trữ thời nghi).

« Giông mây cuộc thế xoay sao được.

Đền sách công phu trả chưa xong.

(Vân lôi thời tiết tri hà bô.

Đặng hòa công phu vị thiều thù).

Lẽ giống da vàng đành lấp đất.

Chấn phùng áo trắng lại lo trời.

(Vị ưng thử địa mai huynh chúng,

Kỳ nại ưu thời tận bạch y).

V. v . . .

Ở Kinh hai năm, về học thức lịch duyệt, tiên-sinh đã tăng lên bội phần, mà đặc lực nhất là có hai điều này :

1) — Kinh đô là một nơi trung tâm điểm học thuật chính trị nước ta, mà cũng một nơi đô hội, hội hiệp cả sĩ-phu trong nước. Tiên-sinh ở đây đề lòng xem xét chính giáo mình hủ bại ra thế nọ, sĩ phu mình liệt nhược ra thế kia ; cái nguồn gốc hư hỏng nước mình là tại đó. Thấy được rõ ràng, biết hẳn rằng công việc cải cách to lớn, không trông mong vào một bọn danh lợi cùng lão hủ đó được. Những điều chiêm bao lãng miếu Triều đình ngày xưa không còn giấy dính trong óc chút nào, ấy là một.

2) — Người Pháp sang ta đã hơn năm mươi năm, mà sĩ phu trong nước không biết tây học là gì ; cho đến độ này người Tàu đem học thuyết Âu-Tây dịch ra làm sách, làm báo để

truyền bá mà tinh thức người nước. Tiên sinh được học thuyết đó như một trận gió mát thổi vào trong óc, thổi sạch cả những đám mây mù che đậy thưở nay, là hai.

Từ đó học thức tiên-sinh tấn tới một bước dài, mà tấm lòng nhiệt thành ái quốc cũng cao thêm lên mấy độ nữa. Ngày trước cho là « Thời sự vô khả vi », nay trong lòng và trước con mắt thấy rõ ràng có một đảng, mà phương châm tạ-thủ làm thế nào cũng từ đó mà nhất định.

Tiên-sinh thường nói rằng: cái độc chuyên-chế cùng cái hủ nhà nho ta, đã thành chứng bệnh bất trị, mà học thuyết tự-dò dân quyền Âu-Tây chính là vị thuốc đắng đã chữa bệnh đó. Ngày trước người mình cứ thấy đau trị đau, thấy chùn trị chùn, thuốc không nhằm bệnh, nên không hiệu là phải.

Chí hướng đã định rồi, xảy có cuộc Nga Nhật chiến tranh (1904), phong triều giục đả tận nơi, tiên sinh không thể ngồi yên được.

(1) Chung-Nam: đời Đường có anh ở ẩn núi Chung-Nam, sau ra làm quan, người ta chỉ nói mà cười rằng: « đó là một đường tắt đi làm quan ».

(2) Đào-nguyên-Phổ, người Bắc, đỗ Hoàng-giáp ở Huế, ham tân học, mua sách mới nhiều, sau làm Chủ-bút báo Đại-Việt.

(3) Thân-trọng-Huê người Huế, một nhà Tây-học sớm nước ta, có bài sớ xin bỏ khoa cử, sau làm thượng-Thư.

III

GIAO - THIỆP VỚI ÔNG SÀO - NAM CÙNG THỜI-KỲ ĐI DU-LỊCH (30 tuổi đến 35 tuổi)

Cá lớn thời không dung được khe nhỏ, mà nói biển với ếch trong giếng cũng mệt mà vô ích. Tiên-sinh ở kinh, có ý mong trong đám quan-trường, vạn nhất có người có thể bàn việc cải cách, (tiên-sinh có tỏ ý với một ông quan có danh tiếng nhất hồi đó, biết không làm gì được, bèn làm một bài « Điền xá ông Truyện » đề châm chọc rồi bỏ quan đi, Ông Sào-Nam làm sách « Lưu - cầu huyết-lệ » cũng có trao cho ông quan ấy, cũng không thấy nói gì). Kịp biết không nói chuyện gì được, mới quyết chí bỏ quan đi tìm kẻ đồng-chí.

Ông Phan-bội-Châu hiệu Sào-Nam, người Nghệ-An, là một người chí-sĩ ái-quốc như tiên-sinh, độ đó cũng vào ở Huế, mượn tiếng học trường Giám đi thi Hội để tìm người đồng-chí, có làm quyển « **Lưu-cầu huyết-lệ tân-thư** », mượn tiếng Lưu-Cầu để nói việc nước mình và tỏ ý-kiến cho người trong nước.

Tiên-sinh đã nghe tiếng ông Sào-Nam, lại thấy sách ấy, cho là người hào-kiệt nóng lòng việc nước, mà kiến-thức thì chưa thoát vòng khuyên-sáo cũ. Dịp đó rồi hai người gặp nhau, nghị-luận tuy có chỗ không hiệp nhau, nhưng mà vẫn phục nhau, có cùng nhau bàn việc phế khoa-cử, lập hội thương trường học, song cũng chưa làm. Tháng chạp năm ấy (1904), Ông Sào-Nam vào Quảng - nam tới thăm tiên-sinh tại nhà rồi về đi Nhật-bản (Tiên-sinh mới gặp ông Sào-Nam, bác riết bài **Lưu-Cầu huyết-lệ**, cho là không hiệp thời thế cuộc đời bây giờ ; song ông Sào-Nam lúc đầu đang nóng về chủ-nghĩa bài ngoại nên cũng không chịu phục).

Năm 1905 (Kỷ-Tỵ), tháng hai, tiên-sinh cùng ông Nghè Trần-quí-Cáp đi chơi trong miền Nam, đi qua tỉnh Bình - Định, (ông

Nghè Trần có quen một cậu Ấm, Kỳ-xuyên công-tử, người Nam trung, nhà ở Bình-Thuận, muốn rủ cùng đi Nam), xảy gặp ngày Tỉnh hạch học trò, người hội hạch đông có 5, 7 trăm. Tiên-sinh nghĩ rằng cái học khoa-cử làm hại người nước ta đã lâu, ngày nay đã thành đồ bồ, mà sĩ-phu ta còn chun đầu vào trong như kiến-giấc mộng mê say này, không cho một gậy ngang đầu, không thề nào thức dậy được. Bèn mượn đề mục bài thi đó, làm một bài thi, một bài phú : Thi « Chí thành thông thánh », bài Phú « Danh sơn lượng ngọc », nói việc thời thế cùng tệ sĩ phu mình, xen lẫn vào trong quyền học trò cho dễ truyền bá. Một tiếng sét rầm vang cả trong nước, học giới ta trong hai mươi năm nay, lấy văn-tự cồ-dộng đề mở mang phong khí, thì bài thi, bài phú đó cũng là một bài có ảnh hưởng trong lúc đầu tiên.

Đến Phan-Thiết, có ý vào lục tỉnh, rui cảm bệnh, ở mấy tháng, cùng anh em ở đó (ông Nguyễn-trọng-Lợi v.v...) bàn việc thương, việc học. Kế được thư anh em giục ra Bắc, tiên-sinh trở về ; ra đến Phú-yên, được tin ông Sào-Nam sang Nhật-bản, tiên-sinh thẳng về Quảng-nam, cùng ông Nghè Trần, ông Âm Thạnh-Mỹ (1) bàn việc đi Bắc. Khi ấy là tháng chạp năm 1905.

Tiên-sinh được những cách của ông Sào-Nam ở Đông gởi về, vẫn lấy làm phục, mà cũng có chỗ không bằng lòng, muốn sang Nhật-bản cho giáp mặt ông mà thương xức một đôi chỗ. Có người hỏi mục-dịch của tiên-sinh thế nào ? Tiên-sinh nói rằng : « Việc đời không thề ngồi một xó mà nói được ; huống chi thời cuộc chừ, gió mây biến đổi, trăm dạng nghìn hình, có đi tới tận nơi mới thấy rõ được ». Tiên-sinh ra Hà-nội, vào trong Nghệ, Tĩnh, thẳng ra tỉnh Lạng, vào đồn Đề-Thám. Đề-Thám là Huỳnh hoa-Thám, một người đề binh đảng Cần-vương trước, cứ hiềm chống với người Pháp hai mươi năm, chính là một tay tướng giỏi, có danh tướng nhất trong đám võ nhân nước ta. Tiên-sinh tới nói năm ba chuyện và xem ý hướng ra thế nào. Đề-Thám muốn cầm ở lại giúp việc, Tiên-sinh không nhận lời, nghĩ rằng đương thời cuộc cạnh tranh này, mà nội tình ngoại thế không biết, bo bo một góc, thế

uào tồn tại được ? bèn từ đi. Xuống Hải-phòng, sang Tàu, đến Quảng-Đông gặp ông Sào-Nam cùng sang Nhật-bản luôn. Ở Đông vài tháng ước lược xem xét công việc duy-tân hiện trạng xã-hội, tình hình ngoại-giao nước Nhật-bản một ít, cùng ông Sào-Nam bàn bạc mấy điều cốt yếu : Việc ngoài thì giao ông Sào-Nam một mình, mà nhận việc hành-động trong nước, làm những chủ-nghĩa mình, rồi từ về, ông Sào-Nam đưa đến Hương-cảng.

IV

ĐI NHẬT-BẢN VỀ VÀ HÀNH-ĐỘNG TRONG NƯỚC (Từ 35 đến 37 tuổi)

Tính cách tiên-sinh nhiều điều khác người, nhất là tính-thần tự chủ. Không kỳ việc gì, không kỳ hạng người nào, chỉ bằng theo lương tâm mình mà phán đoán đối phó, không khi nào chịu gò mình chịu theo tình thế bề ngoài. Vì thế nên câu nói, việc làm, thường thường hay vượt ra ngoài vòng lưu tục nghĩ nghĩ, người ta lấy làm kinh hãi, dẫu cho người trong đảng phái mà không phải tâm-trí cũng không mấy người thích.

Từ tin ông Sào-Nam Đông độ đồn khắp cả nước, tiếp tiên-sinh lại đi nữa ; người trong nước nhao nhao không biết làm gì, chỉ nhón chân ngóng chờ, chống con mắt trông ra ngoài, nay đồn huyền chuyện này, mai thăm nom chuyện khác, lộn xộn cả ngày mà không lo chuyện gì cả. Thoạt nghe tiên-sinh về, kẻ nhất thì bụng tai le lưỡi, người dạn thì trợn mắt trương mày, tiếng tăm rầm lên. Cái tâm-lý người nước đối với tiên-sinh Đông độ trở về, nửa mừng nửa sợ, phần nghi ngờ, phần xai trác, không biết đầu vào đâu, thành ra một quái tượng có đủ mấy vẻ :

1) Đã sang Nhật-bản, không lẽ về không ; đã về thì chắc có viện binh theo sau.

2) Đã trốn mà đi thì về cũng bí mật, sao lại minh minh bạch bạch, không sợ người ta nghi ? Sao to gan thế ?

3) Có việc gì quan hệ không thể ủy người khác được, nên về Hà-thành rồi vào Nam-kỳ, quyết không có lẽ về đất Trung-kỳ ?

4) Có kẻ gửi thư cho ông Sào-Nam nói tiên-sinh về không lợi cho anh em, vì xướng chủ-nghĩa dân-chủ. Ông Sào-Nam thoạt nghe tin ấy, sợ đảng trong nước không thuận nhau, gửi cho tiên-sinh một bức thư, nói việc chưa nên xướng dân-chủ vội (thư ông Sào-Nam chen phụ vào văn tập tiên-sinh). (I)

Tiên-sinh thấy tiền đồ quốc-dân mà sinh lo, tuyệt khẩu không nói chuyện ngoài, nghĩ rằng lấy nội tình ngoại thế và thời cuộc mà nói, ngày nay không có quốc dân nội lực, làm chi cũng không có lương kiệt quả được. Người mình không lo khai thông dân trí, liên lạc đoàn thể để làm cơ sở, chỉ ngồi ngó người ngoài, cái bệnh « dục tốc kiến tiểu » đó, không những không ích mà lại có hại. Không những thế, học-hội, dân-đoàn là việc cần thiết, không có không được, và nên tổ-chức đầu tiên cả ; mà theo tình thế trong nước thời ngày nay, phải phá khuyển sáo xưa, làm việc quang-minh chính đại, chứ không có thể làm chùng làm lén được. Nước Pháp là một nước để ra dân quyền cho thế-giới, làm tiền đạo cả phương Tây, nay bảo-hộ ta, đương thời cuộc ngọn triều Âu-hóa tràn khắp phương Đông, các nước mạnh láng giềng lại có lòng dòm ngó như thế này, cứ để cho dân thuộc-địa mình đã ngu lại nghèo, chắc cũng không có lợi cho nước Pháp.

Khốn vì sĩ phu trong nước từ thuở đến nay, không có người chịu tới chính phủ Pháp, phơi gan trải dạ, chỉ trần điều lợi lại, nên bọn quan lại an thường thủ cựu, cứ giữ thói lợi kỷ, đem phương ngăn ngừa che đậy thành ra ngăn trở đó thôi. Nếu có người chỉ rõ cuộc nguy hiểm ra thế này, nguồn tệ hại ra thế kia, mà bàn bạc một cách lâu dài, biết đâu chính sách người Pháp không thay đổi lại ? Nghĩ thế mới làm một bản điều trần gởi ngay cho Toàn-quyền Khâm-sứ cùng các nhà báo, đại khái nói tình-trạng nguy cấp bên Đông-dương này, cùng tình tệ quan lại, làm cho tình ý hai nước không liên hiệp nhau, sau xin cải lương chính-sách Bảo-hộ. Hiện nay người ta truyền rằng « Đầu Pháp chính - phủ thư » (Bức thư gửi chính-phủ Pháp) tức là bài đó.

Từ bài ấy truyền ra, dư luận nước Pháp, biết tiên-sinh là người chí-sĩ yêu nước, hiểu thấu cuộc đời, chánh sách khai hóa thuộc địa thành ra một vấn đề quan trọng, càng nhiều người nói đến, cũng có thi hành một đôi điều như lời tiên-sinh đã nói, mà quan-

(2) Có phụ lục ở quyển « TỰ-PHÁN » của cụ Sào-Nam, nhà Anh-Minh đã xuất-bản.

trường Annam thì xem tiên-sinh như gai trước mắt, căm giận đến xương, vì cái màn che dậy thuở nay bị một tay tiên-sinh giở toan ra ! những lớp tường xấu, gian tham, hủ lậu, ai ai cũng trong thấy rõ ràng, không giấu giếm được nữa ! Vì thế mà cái nạn tiên-sinh càng không thể tránh được vậy.

Tiên-sinh xướng thuyết tự trị, ông nghề Trần (Thai - xuyên) hết lòng tán trợ. (Ông ấy có làm một bài « SĨ - PHU TỰ - TRỊ LUẬN ») mà bạn tân học cũng biểu đồng tình. Lúc tiên-sinh ở Đông về, thì học hội, thư xã, diễn-thuyết, cùng hội nông, trồng quế cũng đã nhiều nơi lập, mà nhiều nhất trong tỉnh Quảng-nam, tiên-sinh tới đâu cỏ lệ đầy. Năm 1907 (Đinh Mùi) cảm bệnh ở tỉnh hơn nửa năm, tháng bảy lại ra Hà-thanh, diễn thuyết tại trường Đông-kinh nghĩa-thực, (trường của anh em tân học ở Hà-nội lập ra để dạy anh em học trò (1), người tới nghe đông lắm. Chủ báo ĐẠI-VIỆT là ông Babut, nghe tiếng tiên-sinh, thường qua lại chơi, tiên-sinh cũng thỉnh thoảng làm một hai bài thời-sự đăng trong báo ĐẠI-VIỆT cùng báo ĐĂNG-CỔ. Bài « Hiện trạng văn-đề » truyền khắp cả nước, chính làm hồi đó, (Bài ấy có câu kết luận rằng : « Không nên trông người ngoài, trông người ngoài là ngu ; không nên bạo động, bạo - động thì chắc chết », Khoảng đó trong Nghệ, Tĩnh đã có thân-sĩ bị tình nghi mà phải bắt giam, nên trong bài ấy tiên-sinh có ý biện hộ (Bài ấy xem trong văn-tập). Ông Babut muốn mời tiên-sinh làm báo với anh ta, tiên-sinh từ, không chịu làm. (Ở Hà-nội thuở đó, trong đám quan-trưởng cáo với quan Bảo-hộ rằng : Phan mô ở Hà-Thành thường xướng học thuyết « vô quân », xin đuổi ra khỏi Hà - nội).

(1) Trường Đông-Kinh Nghĩa-thực ở Hà-nội, thế mà có đối tờ báo và sách làm lần cho « Đông-kinh Nghĩa-thực » là cuộc Đông-dư của sự Sào-Nam, sai xa quá !

V

BỊ ĐÀY RA CÔN-LÔN, CÙNG THA VỀ SÀI-GÒN (Từ 37 đến 40 tuổi).

Trong bức thư « Đầu Pháp chánh-phủ », tiên-sinh nói tình tệ quan trường rạch ròi cặn kẽ về cả cái trạng-thái nhu-gian càng-ác, không một chút nào ; bọn ấy cắn bụng cầu rặng, toan sao cũng trả nửa lại cho được mới chịu, mà chính tiên-sinh cũng tự biết rằng, chắc có một ngày kia mình phải vào chỗ địa ngục !

Năm 1908 (Mậu-Thân), dân Trung-kỳ nổi lên xin xâu, đầu phát từ tỉnh Quảng-Nam, rồi lan khắp cả mấy tỉnh, quan trường sãi cừu tiên-sinh, nhân dịp này mới thừa cơ báo phục : cho rằng ngày nay dân biển là bởi bọn xướng dân-quyền mà thành ra, mà tiên-sinh chính là người xướng thủ, lại giao thông với người bội quốc là Phan-bội-Châu ! Thương với Khâm-sứ Kinh, đánh điện ra Thống-sứ Hà-nội, bắt tiên-sinh giải về Huế, tiên-sinh không ăn mấy ngày, Khâm-sứ giao qua Hộ-thành giam, rồi lập Tòa Hội-dồng vấn xử, quan Tây quan Nam đều đủ cả, đồ tội dân biển cho tiên-sinh. Tiên-sinh nói rằng : Các ngài ngồi trên đầu dân, lại ăn lộc nước, mỗi ông mỗi tháng, hoặc năm trăm đồng, hoặc hai ba trăm, dưới nữa cũng một trăm tám chín chục, bổng ấy không phải máu mủ của dân sao ? Thế mà cứ ngồi yên ăn lì, không lo vì dân mở đường sinh kế, toan việc công lợi dè cho cùng vô sở xuất, không biết lấy chi nộp thuế, đến rủ nhau làm hạ sách đi yêu-cầu như thế, ấy là tội tại các ngài ; các ngài không biết tội thì chớ lại đồ cho người khác sao ? » Các quan giận lắm, muốn kết án tử hình, quan Tây không chịu. (Nghe đâu có Hội Bảo-trợ Nhân-quyền binh-vực, và cũng có một ông quan Nam không ký tên) mới giảm đẳng, kêu án xử tử phát Côn-lôn, ngộ xà bất nguyên.

Tiên-sinh về Kinh nghĩ rằng chắc chết Đến khi giải ra cửa Đông-Nam mới hay rằng đi đày Côn-Lôn ! Có ngâm bài tuyệt cú :

Xiềng sắt lang tang ra cửa đóng,
Ngâm nga ngọی hát lưoi còn không.
Giống nòi mòn mỏi non sông lặng,
Ai dè Côn-lôn ngá tám lòng !

Sau tôi gặp một người quen làm việc ở Kinh nói rằng : An tiên-sinh có lấy câu « nô-vị » trong bài điệu trần làm chứng, kiết rằng : « Nô vị nhất ngữ dĩ hiên nhiên vô quân thượng chi tâm », nghĩa là một câu « nô-vị » đã rõ là không biết có vua ». Nay xét trong bài ấy nói « nô vị » là chỉ cả dân cả nước, không phải chỉ vua thế mà đến kết tội được, có nực cười không !)

Cuộc dân biến năm 1908 là một vở tuồng rất hoạt động, trong lịch-sử nước ta mấy ngàn năm chưa từng có, mà cũng một vở tuồng rất bi thảm nữa. Một bầu nước yêm-diêm, ngọn triều đầu tràn tới, máy động-cơ vừa nhúc nhích, giây dăng ngực đã bò lan, áo khăn ngồi đầy lao, xiềng gông đi khắp xứ ; từ đó đảo Côn-lôn là một hòn cù-lao giữa biển, cách biệt trong đất, thuở nay người Pháp lấy làm một nơi đầy tù tội, nay mới có vết chun bọn quan to quốc-sự phạm nầy, mà tiên-sinh chính một người đầu tiên trong bộ sử Côn-lôn quốc-sự tù !

Năm 1908 (Mậu-thân) tháng tư, đầy ra Côn-lôn, khi mới ra giam tạm ở khám trong banh (Bagne tức nhà giam tù), không bận đồ tù, không ăn cơm tù, cũng không phải làm công việc tù, mỗi ngày sớm mai và chiều ra trước hiên đi bách-bộ độ một đôi giờ, được năm bảy ngày, Tham-biện cho ra ở ngoài làng An hải tự-do sinh-lý. Mỗi tuần lễ, ngày chủ-lật, tới nhà giấy gardien-chef trình diện một lần mà thôi, Tiên-sinh học nghề dôi-mồi và đi cầu đi lưoi chơi cũng được thông thả.

Côn-lôn (Poulo-Condre) là một hòn đảo ở phía đông-nam biển Sài-gòn, tàu thủy ở Sài-gòn đi độ 16 hay 17 giờ thì đến. Trước kia thuộc tỉnh Vĩnh-long. Từ thuộc về Pháp, lấy làm một nơi giam tù. Lục tỉnh, Bắc-kỳ, Cao-mên, Ai-lao, tù án nặng thường giam tại đó ; duy Trung-kỳ không có, vì còn thuộc chính trị hành luật

Annam. Quận Cai-trị có một Tham-biện, một Kỳ-mục, một Gardien chef và lính canh tù ; có một quan Binh (quan Hai) coi hơn trăm lính tây, một sở giấy-thép. Đại khái chính thể cũng vì tù tội mà đặt ra, nên hình phạt tra xét nghiêm nhặt khác trong đất nhiều lắm. Đồ dùng phần nhiều ở Sài-gòn chở ra, mỗi tháng có hai kỳ tàu đi về. Ở đó công việc chi cũng người tù làm cả, đủ các sở, thợ mộc, thợ hồ, nuôi heo, làm ruộng v.v... có hai tiệm buôn của người Tàu, có nhà đèn (phare), có vô-tuyến-điện, v.v... Theo trên giấy má việc quan thì đảo đó cũng như một hạt ở trong Nam-Kỳ, khác ở đó là chỉ cai-trị người tội mà thôi.

An-Hải là một làng thờ nhân hiện còn bây giờ, cũng y như người Lục Tỉnh, có Lý-dịch đủ được bảy tám nhà, thường có tù án lưu-xử hoặc an-trí thì cho ra ở làng đó.

Một mình tiên-sinh, trăm mũi tên châu vào, song bởi thế mà quan lại oán, cũng bởi thế mà người Tây (những người có lòng bình-đẳng bác-ái) kính trọng. Tiên-sinh ở Côn-lôn xem người Tây có một cách biệt-đái. Ở gần hai năm, có thư ông Babut chủ báo ĐẠI-VIỆT gửi thăm và tin sẽ được tha về. Ít lâu thời Thống-Đốc Sài-gòn ra tới tận nơi tiên-sinh trọ, thăm hỏi một cách ân-cần, rồi ít lời, giấy lại tha về. Về đến Sài-gòn mới biết rằng Hội Nhân-quyền Bảo-trợ vì mình kêu oan, mà Thủ-Tướng nước Pháp là Ông Poincaré nhận lời. Tiên-sinh ở Côn-lôn gần ba năm, lúc về là tháng năm 1911.

Ở Sài-gòn chính-phủ có đặt một tòa Hội-đồng, Tham-Biện Mỹ-tho, ông Couzineau, bị cử làm chủ tọa, có đủ Đệ-hình. Chương-ly. Ông Couzineau đọc bài diễn-văn có câu rằng : « Thay mặt cả dân nước Pháp, trả cái tự-do lại cho ông ». Lại hỏi tiên-sinh muốn nói điều gì ? Tiên-sinh ước lược phát-biểu chính-sách liên lạc Pháp-Việt và yêu-cầu mấy điều rồi xuống ở Mỹ-tho, (Tiên-sinh xin : 1) Ân xá bọn quốc-sự-phạm, 2) Trị tội Phạm-ngọc-Quát, và giết ông nghè Trần-quí-Cáp là người vô tội, 3) Xin di Tây).

Ở Mỹ-tho tuy tiếng rằng tự-do, mà thực thì nhà nước còn có

ý trông nom quản cố, tiên-sinh không bằng lòng, cho rằng đã được tha, vì là người không tội, mà lại không được tự-do hành-dộng, không khác chi ở tù, bèn làm thư gửi cho chính-phủ xin trở ra Côn-lôn. Chính phủ biết tiên-sinh là người không chịu trói buộc như kẻ khác, không lấy chức vật mà ngăn cấm được, mới nhận lời yêu-cầu cho tiên-sinh đi sang Pháp. Tháng... năm ấy đồng thuyền với ông Toàn-quyền Klobukowski đi Tây và đem con là Phan-châu-Dật sang học luôn, (Thư gửi cho Hội Nhân-quyền cùng sách Pháp-Việt liễn lạc, có lẽ làm năm ấy).

MUỐN RÕ TINH TÚY KHÔNG-HỌC

cần phải có bộ

Không - Học - Đẳng

của Cụ SÀO - NAM

VI

MƯỜI BỐN NĂM Ở NƯỚC PHÁP (Từ 1911 đến 1925)

Tiên-sinh biết rằng dân nước mình chưa có tư-cách độc-lập, quyết nhân dịp phong-triều Âu-hóa này, liên lạc với người Pháp, đặt thiết hành sự cải cách trong nước, mở mang trí thức cho người mình, lại thường xem chánh sách Bảo-hộ mà có một điều lấy làm lạ : Nước Pháp là một nước dân-chủ, đề xướng nhân-đạo cho cả thế-giới, những câu bình-dãng, bác-ái, đàn bà trẻ con cũng thường nói nơi đầu lỗ miệng, thế mà nước ta chịu ở dưới quyền bảo-hộ đã mấy mươi năm, chưa được thấy cái ảnh-hưởng học-thuyết đó chút nào. Và đương thời cực này, giông gió ồn ào, láng giềng dòm ngó ; tiếng hoàng-họa đã reo trên các nhà báo, mà xét kỹ chánh sách thuộc-dịa Pháp thì chưa tỏ ra chút gì là hình tâm khai-hóa người mình. Ấy chắc hẳn bọn quan lại qua cai-trị bên này chỉ quen thấy tình thế trước mắt mà không nghĩ xa, lại để cho dân mình ngu hèn cho dễ cai-trị, nên làm thói che tai trộm lạc như thế, chứ chắc không phải toàn quốc-dân nước Pháp như thế. Dem cái hiện cuộc cùng tình tẻ bên Đông-dương này bày tỏ với người bên Pháp đình, và tuyên-bố cho công chúng, sao cũng có người nhân nhân quân-tử, suy trước nghĩ sau, xét đến tương lai, soi khở tâm mình, cũng biểu đồng tình mà tỏ lòng liên lạc thì sẽ có cơ làm được công việc cải cách.

Định kiến như thế, nên lúc Đông độ về, gửi thư cho chính-phủ Pháp, đã có ý muốn sang Tây ; tiếp lấy việc dân biến mình lại bị tù, nhờ có hội Nhân - quyền bình vực mà ra khỏi, tiên-sinh cho là thời cơ không bỏ qua, mà cái chí đi sang Tây như tên phát ra, không ngăn được, (Tiên-sinh ở Côn-Lôn đã tỏ ý đi Tây với anh em, cũng có người giao - cổ không biểu đồng tình).

Tiên - sinh sang Philip tại thành Paris, xem xét các ý kiến chính đảng cùng các nhà ngôn luận đối với chính-sách. Công đương ra thế nào ; lại đem những tình tề quan lại ở bên này phát bố ra đề cò động dư-luận, viết bức thư gửi cho hội Nhân-quyền, kể những việc dân biến, binh biến, cùng phương-pháp bảo-hộ đối phó ra thế nào, quan lại trong nước sinh sự tề đoan ra thế nào, cùng những thảm trạng trong dân gian, sĩ-phu bị lụy ra thế nào, nguồn cơn ngổ nghịch, chửi tề kẻ rắng, kẻ ta rõ ràng lắm ; lại phát biểu chánh-kiến liên-lạc Pháp-Việt của mình, cùng công việc đã làm, mà tỏ ý phản-đối với quan-lại bên này. Việc Khâm-lăng bị đào, tiên-sinh cho là vô nhân đạo, đăng trong các báo, chê mắng dữ dội, các nhà ngôn luận cũng ồn lên, quan lại bên Đông-dương lấy làm khó chịu lắm. Lại thường cùng một đôi người học trò ta sang học bên ấy mà có tư-tưởng khá, bàn bạc việc tương-lai nước mình v.v..

Tiên-sinh một mình ở đậu đất người, mà tiếng tăm cũng như một nước, nên kẻ yêu trọng cũng nhiều, mà người cừu-thù cũng không ít. Mấy năm mới sang, Bộ Thuộc-Địa còn cấp lương, sau vì có tiên-sinh hay nói xấu quan lại Bảo-hộ, trừ đi không cấp nữa, tiên sinh không lấy làm điều, học nghề vẽ, vẽ bóng phóng đại cho người ta đề nuôi mình ; có khi đau ốm, con (Dật) phải bỏ học đi làm công đề nuôi, tiên-sinh vẫn xem như thường vậy, không có chút gì là phân nân.

Năm 1914, Âu chiến xảy ra, tiên-sinh không chịu đi lính, đảng thù cho tiên-sinh vu rằng thông với người Đức, (lấy có một cái thơ cho người nào, không biết thiệt giả), bị bắt giam tại ngục quốc-sự (Prison de Santé). Tiên-sinh ở trong ngục, phần thương phận nước bề dẫu, phần xót tấm thân trôi nổi, buồn sầu chất chứa, không chỗ hở hơi, dùng tục ngữ nước nhà làm đề-mục, làm hơn hai trăm bài thi bằng quốc-âm. Trong tập thi, những bài : « Vàng thiệt sợ chỉ lừa », « Ăn coi nổi ngồi coi hướng » v. v.. tức làm hồi đó. Bị giam chín tháng, đảng Xã-hội cùng đảng Xã-hội cấp-tiến, biết tiên-sinh là oan-khuất, xin với Thủ-tướng Poincaré lại tha một lần nữa.

Tiên-sinh vốn là kẻ cừu với chính-thề chuyên chế, vừa đọc sách Âu-Tây thì say mê những học thuyết họ Lu (J. J. Rousseau), họ Mạnh (Montesquieu) Nay ngụ ở thành Paris là danh đô một nước dân-chủ văn minh cường thịnh nhất trong thế-giới, hô hấp cái không khí tự-do đã lâu năm, đốm thức càng ngày càng cao, phách lực càng ngày càng mạnh, hễ có điều gì xúc động đến thì diễn lực trong hồn não phát sinh liền ra không thể ngăn được.

Năm 1922, vua Khải-Định sang Tây, một đức quân - chủ chuyên chế nước nhỏ nhỏ, lại ở dưới quyền bảo-hộ một nước dân-chủ, hốt nhiên mượn thể bảo-hộ, chưng nghi vệ phí kim tiền, dắc tới tở vượt muôn dặm đường biển, sang cho đến một nơi danh đô nhất thế-giới, xem chơi phong cảnh, mà về việc tiền-đồ quốc-dân không quan-hệ gì, các nhà báo nhao lên, cho việc đó là vì quyền-lợi quân-chủ riêng, hành động không được quang minh mà có hơi ám muội, đăng lên báo chương lấy làm trò cười. Tiên-sinh tức giận, lấy việc ấy nhục đến quốc thề, và là theo ý riêng một người, không phải quốc-dân đều biểu đồng tình như thế, làm một bức thư gởi thẳng tới Hành-tại (I), trong có kê rõ bảy điều (2) trái phép, việ luật Tây, quân-chủ trái với Hiến-pháp thời quốc-dân được kê tội mà trị, v.v... Thư ấy truyền ra các báo Tây, những nhà Tây-học có tư-tưởng mới cùng bọn thanh niên, ai cũng tỏ ý hoan-nghehnh, mà đám quan đảng nghe nói le lưỡi, càng cười tiên-sinh thêm nữa.

Tiên-sinh ở Pháp hơn mười bốn năm (1911 đến 1925), danh đô thẳng cảnh du-lịch đã khắp, hiền nhân quân-tử giao kết cũng nhiều (những người trong đảng Xã-hội cùng hội Nhân-quyền, quen biết cũng đông, tình thiết anh em như ông Capitaine Roux. v.v...) cho đến học thuyết các nhà danh nho, phong triều mấy đảng xã-hội, chánh sách nhà ngoại-giao, phương châm sự thuộc-địa, đều đề lòng khảo sát, thấy một cách rõ ràng.

Trông người lại ngắm đến ta, mưa gió quê người, mộng hồn nước cũ, trăm cay ngàn đắng, nếm đủ mùi cực khổ, không chút nào ngả lòng. Không những thế, cái tinh-thần tự chủ, cùng

tấm lòng thương nước yêu nòi, lại càng già càng tiến lên, càng cay chua càng bền chặt. Những người bạn cứu cho tiên-sinh, tìm điều quấy rối, nào dỗ giành, nào dọa nạt, nào làm cho đầy dọa thân thù, muôn phương nghìn chức cũng không làm sao được.

Tiên-sinh thường nói rằng : « đã vì việc nước mang thân đến đây, ngoài cái xác bầy thước này, không còn cái gì nữa, khi nào đầu rơi xuống đất là việc ta xong ; sở dĩ nuôi một chút hơi này, muốn ra công giúp cho tổ-quốc một đôi việc đó thôi ».

(1) Hành-tại là chỗ vua đi mà trở.

(2) Xem quyển « Thư thất điều ». Nhà Anh-Minh xuất bản.

VII

VỀ NƯỚC VÀ BỆNH GIÀ (1925 - 1926)

Tiên-sinh ở nước Pháp cùng những người trong xã-hội nhân quyền có quan-hệ mật thiết, có chí muốn liên lạc thành một đảng lớn để giúp việc cải cách trong nước nhà ; rồi đầu có cuộc Âu-chiến, nước Pháp lại chính phải đương đầu, trong nước nhiều điều rắc rối, việc gì cũng đình đốn cả, còn ai nói đến chánh sách thuộc địa nữa. Thiên diên đến mấy năm trời, rút cuộc vẫn chiếm được thắng lợi mà người hao của tốn, làm ngã trở đến cuộc tiền-đồ cũng nhiều. Trong mấy năm đó tiên-sinh ôm bụng mà rầu, không biết ngó cùng ai được.

Cuộc Âu chiến yên, tiên sinh đã có lòng về nước, nghĩ rằng chất chứa lấy lòng nhiệt huyết, đồ nơi đất người cũng vô ích, mà đem về rưới giữa non sông đất nước, họa có ảnh hưởng đến quốc-dân, có người khởi lên mà nổi theo chí mình, thì mình có nhảm mắt cũng yên được. Bèn tới Bộ Thuộc-địa tỏ ý muốn về nước. Ông quan nọ can rằng : « quan đảng bên Đông-dương lâu nay xem anh như gai trước mắt, muốn ăn thịt anh, anh về không phải là đem thịt dứt miệng cọp sao ? »

Tiên-sinh trả lời rằng : « Miễn ngài không ra tay là được, tôi có cần gì... ». Bộ Thuộc-địa mới gửi thư về bên Đông-dương nói ý tiên-sinh muốn về nước. Quan trường bên ta nghe tin ấy, như sét đánh ngang đầu, phần nghi phần sợ, cho là một cái vấn-đề to lớn nhất, ngày nào cũng mở hội mật nghị làm phương đối phó, muốn cậy quyền thế bảo hộ, kiếm cách ngăn trở không cho về (có thanh-ngôn rằng tiên-sinh về sẽ truyền-bá chủ-nghĩa cộng-sản ! v.v...)

Năm 1925, tháng.... tiên-sinh về Sài-gòn, có ý muốn tịnh dưỡng ít lối, đi khắp nam bắc rồi mới bày bố công việc làm. (đã định dựng nhà in, nhà báo, hội nông v.v...) Song người nước

tới thăm đông lắm, mà hoan nghênh nhất là đảng thanh-niên. Tiên sinh biết trong mình chưa được khỏe, và có ý yên ắng để quan sát ít lâu, mà anh em đồng bào tỏ tình ngưỡng mộ và náo nức này lắm, không thể không đáp cái thịnh tình đó, cũng tỏ cho anh em biết tâm-sự mình, mới tỏ chức một cuộc diễn-thuyết, nhân sĩ tới nghe đông lắm, người được nghe lấy làm hân hạnh như được một cửa báu, mà người được đọc bài diễn-thuyết đó cũng lấy làm hả lòng; những đám mây mù che đậy bịt bùng mấy mươi năm, được hai trận mát mẽ thoáng qua, gần chừng xưa đây vỡ tan, bóng sáng vùng đông dội lại một góc trời, mà không khí một mai đổi khác hẳn. Than ôi ! Nay đọc hai bài diễn - văn của tiên-sinh, diễn tại hội thanh - niên Sài - gòn, (Bài trước nói luân - lý và đạo đức Đông - Tây; bài sau nói Quân - trị Dân - trị . . .) mà bộ máy thần kinh không động dậy, sức diêm trong gan óc không phát mạnh ra, có phải dân Việt - Nam đâu ? có phải là dân thanh - niên Việt-Nam đâu ? Nào ai biết hai bài diễn văn đó là hai bài tuyệt bút của tiên - sinh, cũng là bài di chúc của tiên-sinh dặn cho anh em ta lần cuối cùng ! Đau đớn biết chừng nào ! Đáng thương tiếc biết chừng nào !

Tiên-sinh về được vài tháng, ông Sào-Nam cũng bị bắt, được tha về ở Huế, tiên-tinh có ý muốn gặp nhau bàn chuyện, nhưng mà chưa gặp.

Tiên-sinh về Sài-gòn, tai mắt ai cũng châu vào, bọn cừu thù cũng theo dòm ngó, anh em cũng có bụng ngại, thế mà tiên-sinh ứng tiếp hằng ngày, đi chơi khắp chốn, không có chút ngại gì.

Lúc ở bên pháp được thư nhà, tiên-sinh có nói rằng : « Ta không biết nhu là gì ». Nay về nước, con gái và rề tới ở hầu hạ được ít tháng tiên-sinh cũng bảo về.

Tiên - sinh trước có bệnh đau phổi, nằm nhà thương uống thuốc tây không lành, về đi hứng mát ở Ô-Cấp, tiếp bị bệnh đơn nhiệt rồi phát ra cả lợi cả thũng, anh em trong Nam-kỳ hết lòng điều hộ mà cũng không hiệu. Bệnh đã liệt giường, mình như cây củi mà tinh-thần vẫn thanh sáng, không có chút nào là than van

yếu lướt như người ta. Trước ngày tắt hơi, anh em tới thăm còn nghe bàn việc nước !

Tiến-sinh sanh năm 1872 (Nhâm-tlân) đến năm 1926, ngày 24 tháng 3 Dương-lịch, hồi 9 giờ tối thì mất ở khách-quán số 54 đường Pellerin Sài-gòn.

Tin buồn truyền khắp nơi, cả nước sa nước mắt, anh em (nhất là trong Nam-kỳ) đặt ban hội-đồng trị-sự để coi sóc việc tang, hòm liệm theo một cách trọng thể, phó cáo cả các nơi, trên từ hội học hằng buôn, dưới đến phu xe bồi bếp đều đến phúng điếu, đề tang, hoặc gửi thư đánh giấy thép chia buồn. Người Tây, người Mên, người Chăm cũng có tới điếu ; còn các nơi đô hội cũng nhiều chỗ làm lễ truy-diệu nữa. Ngày 4 tháng 4, táng tại nghĩa-địa Gò-công ở làng Tân-sơn-nhứt, tỉnh Gia-định.

Phu-nhân họ Lê, người làng An-sơn, con nhà vọng-tộc, có đức hiền lành. Lúc tiên-sinh ở Côn-lôn về Mỹ-tho có vào thăm, ở năm mươi ngày rồi về, bị bệnh mất. Con trai là Dật, đi với tiên-sinh sang Tây-học, rồi có bệnh, tiên-sinh cho về trước, dặng mấy tháng, mất tại nhà thương Huế. Hiện hai người con gái, lớn Á-liên, gả cho ông Lê-Ấm người huyện Quế-sơn, làng Gia-cát, đang làm Đốc-học trường Quốc-tử-Giám ; thứ Á-Lan, gả cho Nguyễn-dồng-Hội, người Phủ Điện-bàn, làng La-khê-m, đang làm Tham-tá (Agent-technique), anh em định lập nhà tự mua tự-diễn cấp cho cháu (kêu bằng chú) phụng tự (1).

BÀI KẾT - LUẬN

Người xưa có nói, « Cái quan luận định », lại nói « Một người học trò mà đề lòng lo giúp người tức là công nghiệp » — (nhất mệnh chi sĩ, cầu tồn tâm ư tế vật tiện công nghiệp). Than ôi ! Như tiên-sinh, không những là một người chí-sĩ yêu nước mà thôi, mà thật là một nhà chính-trị cách-mạng đầu tiên nước Việt-nam ta vậy. Một anh học trò vai gánh giang sơn, lòng thương

(1) Nhà tự ở Đà-Nẵng, hiện gia đình ông bà Lê-Ấm về ở.

nồi giống, một mình xông đột trăm cách toan lường, trong hai mươi năm thừa, trải biết bao hiềm nghèo, nếm biết bao mùi cay đắng, những kẻ ngày trước có bị ngã dúi đi, có kẻ tháo đường mà đi ngó khác, lại có kẻ thay lời đòi mặt, đành chịu người mắng chửi, quay đầu trở lại để tìm lợi riêng một mình, quên cả mặt mũi ngày trước, thế mà tiên-sinh cứ khăng khăng ôm một cái chủ-nghĩa, đeo đẳng mãi với cảnh hoạn nạn mà không chịu rời ra ; không những danh vị lợi lộc, không dể dành được, cực khổ không đòi dờn được ; cho đến gươm kề trên cổ, súng chỉ trước bụng cũng không chút nào lay chuyển, sánh với ông Sào-Nam, chí khí đồng nhau, nhiệt thành đồng nhau, phách lực đồng nhau, mà cái cảnh càng khó, cái lòng càng khổ hơn vậy.

Ấy, tâm sự đó, thần quỷ cũng soi, đá vàng cũng thấu. Vậy cho nên một câu nói, một việc làm, đều có ảnh hưởng đến quốc-dân, không những các bậc bình-dãng bác-ái nước văn-minh đều làm đồng điệu, mà những nhà đại chính-trị, đại quân lữ, đại ngoại giao, đại trình thám, đại ngôn-luận, cũng đều châu mắt vào mà dòm vậy. Than ôi ! Như thế cũng đã hào vậy. Anh hùng hào kiệt há phải tự đời mình thấy được thành công mà sau mới ra làm việc đời hay sao ?

TÔNG ÁN

Nhân cách tiên-sinh, học thức cao, tài trí đủ, tính chất bền, ngôn luận giỏi, ai cũng biết cả ; đến cái chỗ trước sau ôm một cái chủ-nghĩa, cùng thủ-đoạn và hành-vi, để cho được đạt cái mục đích đó, con mắt thật tinh, dõm lực thật định, mở cuộc thật rộng, mà ứng cơ thật lanh ; tuy công cuộc chưa thành, người ta không thấy rõ kết quả ra thế nào, song xét kỹ trước sau, thì rõ ràng có một đường như tơ tằm, vết ngựa, có cơ quan có tăng thứ, khi trời khi sụt, khi trống khi kín, biến động mãi mà không rời cái chủ-nghĩa ra ; và lại càng tới càng tấn lên, mà đầu đuôi vẫn chiếu ứng nhau.

Tiền-đồ nước ta, tiên-sinh cho dân mình vì chánh thể chuyên chế đè nén bó buộc đã mấy mươi đời, thành cái tánh chất thứ hai, không biết nước là gì, cách với tư-cách độc-lập còn xa lắm.

Nếu cái độc chuyên chế không trừ đi, thì học văn minh không vào được ; mà muốn trừ độc đó, chỉ có xướng học thuyết dân-quyền thôi. Song nhân quyền không phải tự nhiên đến được, phải khai phong dân khí để mở mang trí thức, liên lạc đoàn thể làm cơ sở tự trị ngày sau. Người Pháp qua đây đương thời cuộc ngọn triều Âu-hóa tràn khắp phương đông này, có lẽ đâu xem người mình như cây đá được ? Bấy giờ ngược giòng nước mà kéo lại, sao bằng thuận giòng mà đem đi, thật hành cải cách để giục dân mình lên đường tấn hóa, Dân trí đã mở rồi, việc khác mới có thể làm được. Định kiến như thế, toan cùng một hai người đồng chí bàn bạc cách làm. Ở Kinh ít lâu có ý mong trong đám quan trường ; kịp biết không làm gì được, quyết bỏ quan đi tìm kẻ đồng chí. Xảy gặp ông Sào-Nam xướng thuyết bài ngoại, cả nước xua theo, (thuyết bài ngoại rõ ràng mà dễ hiểu, lại là thói quen trong lịch-sử, nên người ta ưa thích nhiều. Thuyết dân-quyền tự trị mới mẻ, ít người hiểu, và trong lịch-sử thuở nay không từng thấy, lại hay xúc phạm đến quan trường, nên nhiều người không ưa, không ai hỏi đến, chỉ có một hai người có tư tưởng tân học cho hiệp thời mà thôi. Trong bản sách Liên-lạc Pháp-Việt, tiên-sinh nói rõ ràng lắm). Tiên sinh biết ông Sào-Nam là tay hào-khết, muốn dung hiệp nhau mà không muốn phản - kháng nhau, thẳng qua Nhật-bản cho giáp mặt mà bàn bạc mấy điều yếu kiến, và nói rõ ông Sào-Nam biết công việc mình sẽ hành động trong nước.

Ở Đông về, gửi thư cho Chánh-phủ Pháp mà phản đối với quan lại An-nam, nghĩ rằng chánh-phủ bảo-hộ có thể thiết hành cải cách cho nước mình chẳng ? Đến lúc đi Tây, biết quan lại cai trị bên này không có thành tâm cải cách, nên tỏ ý kiến sang bên Pháp-dinh, có ý liên-lạc người Pháp, người Nam dựng làm việc cải cách. Rồi đâu cuộc Âu-chiến xảy ra, lòi thôi đến mấy năm, trăm việc cũng phải đình đốn cả, ai còn nói đến chánh sách bảo-hộ ! mà chính thân tiên-sinh cũng vì việc đó mà bị khốn nạn cực khổ. Trong mấy năm đó, người Tây, người Nam hầu như quên

tiên-sinh là người thế nào, mà chủ-nghĩa tiên-sinh hình như đã chìm đáy biển, mây tan giữa khoảng không, nước cũ vẫn vờ hồn, thân già ngơ ngẩn bóng, chỉ có một cái chết dề tỏ tâm sự mình là xong, buồn bức biết chừng nào !

Cuộc Âu-chiến vừa lặng, tiên-sinh đã có lòng về nước, nhằm nhía thời cơ, ngồi buồn nóng ruột, thoát dương trong lúc tịch mịch vô liêu, trời kéo đưa giả như tây đến, giúp cho tiên-sinh một cái đề mục, làm cho cái chủ-nghĩa mình sống lại ; trong cuộc cờ bí nước, thoát được một nước cờ tiên, tiên-sinh biết thời cơ không bỏ qua được, đứng dậy la to, từ đó người Tây người Nam, trong con mắt lại thấy có tiên-sinh. Bạn Âu-học thiếu-niên lại tỏ ý hoan nghênh. Cái chủ-nghĩa bình sinh (xướng-minh dân quyền, đã phá chuyên chế), đã gần chìm dưới vực sâu, chỉ một vọt mà lên tận trời xanh, ai ai cũng trông thấy rõ cả. Tiên-sinh từ đó có thể về nước cùng anh em đồng bào mở mặt bắt tay. Hai bài diễn thuyết tại hội Thanh-niên Sài-gòn, chẳng qua là đem tâm sự bình sinh cùng cái chủ-nghĩa mà mình đã đeo đuổi hơn hai mươi năm nay bày tỏ cho quốc-dân rõ thôi ; song thiếu cũng không được, là vì có hai bài kiết luận đó mà công việc ngày trước trèo non vượt bể, tay viết miệng van, vào quĩ ra thần, đông xông tây đột, đều có một vài thật địa ăn làm, không phải đi không chạy quấy vậy.

Than ôi ! công tụy chưa thành, mà trong cuộc sóng gió nhầy trời, chông gai đầy đất, trăm gay nghìn khó như thế, hy sinh cả thầy, chỉ đem một mình mà mở con đường cho đồng-bào ta sau này, thật là một người đại ân-nhân ta vậy !

Tiên-sinh trước thuật nhiều lắm, đều có cảo-bản, có lẽ nên in thành bản riêng, chia ra từng loại cho tiện truyền-bá, còn dật-sự xin phụ theo sau này.

CÁC BẢN CẢO DO TIÊN - SINH TRƯỚC THUẬT

(Trước thuật rất nhiều, phải in riêng ra, đây chỉ nêu cái mục cho đồng nhân xem).

- 1) — Đầu Pháp chính-phủ thư.
- 2) — Ký nhân-quyền hội thư.
- 3) — Pháp-Việt liên hiệp hậu chi tân Việt-Nam.
- 4) — Cuộc ngoại nhân kim nhật chi Trung-quốc quan.
- 5) — Tỉnh quốc hồn ca.
- 6) — Thanh-niên hội nhị phiên diễn-thuyết, và diễn-thuyết ở bên Tây.
- 7) — Ký Khải-Định Hoàng-dế thư. (1)
- 8) — Hán-văn thi 50 bài.
- 9) — Quốc-âm thi 200 bài.
- 10) — Tập trước.



(1) Tức «THƯ THẤT ĐIỀU», nhà Anh « Minh xuất bản.

Phan Tây-Hồ tiên-sinh dật-sự

Dân nước văn - minh có một cái tâm lý sâu xa, khác hẳn những dân nước hèn, là đối với một người ái-quốc, không nỡ ứng tượng đồng bia đá, sử truyền kỷ niệm, phước biếu cái công-nghiệp, cái danh-dự của người ấy, mà cho đến một nét bút, một câu thơ, một tấm ảnh lu, một tờ giấy rách, cũng trân trọng gìn giữ như một vật quý báu nhất trong thế giới, đề mà tỏ ý sùng bái người danh nhân. Xem thế thì biết quốc dân có cái đặc tánh sùng bái người ái-quốc, mà sau người ái-quốc mới xuất hiện; nước mạnh dân khôn, nguyên nhân cũng nhiều, mà cái tâm lý ấy là một cái quan hệ to tát vậy.

Nước Nam ở đầu thế-kỷ hai mươi này, chìm dưới vực sâu nòi giống tiêu mòn, non sông vắng vẻ, tự người ngoài xem vào thì cho là không còn có anh hùng nào; song tự trong nước mà xem thì không gọi là không có được. Từ nay về sau không biết có xuất hiện ra được người nào, chứ đây trở lên, trong khoảng hai mươi năm nay, ngoài ông Sào-Nam ra, thì Phan-Tây-Hồ tiên-sinh thật là một người quan hệ, không có không được, mà đáng cho là anh hùng.

Lịch-sử tiên-sinh xuất bản đã nhiều, duy có bình sinh dật sự, nhiều điều có giá trị, đủ làm gương cho người sau, không phải người thân thiết thì không ai biết. Vậy lấy theo tâm-lý quốc-dân nói trên, lật ghi từng tập phụ theo truyện này, cống hiến cho đồng bào ta xem, tưởng cũng nhiều người hoan - nghênh lắm. Vì một

đời người anh hùng, bất kỳ điều gì, cũng có vẻ khác người tầm thường :

1) — Tiên-sinh nhỏ côi mẹ, trên mười mấy tuổi lại côi cha, anh lớn là Phan-văn-Cừ, tài đương chính đốn việc nhà, thờ anh như cha, chị dâu như mẹ. Cho đến ba mươi tuổi đầu, thân đăng khoa - giáp, mà trong gia đình không có việc gì hỏi đến anh chị. Nhà có bà Thứ-mẫu, thường cùng bà chị dâu có chuyện rầy, hai đảng không chịu thua, được tiên-sinh một lời nói, tức thì hòa thuận nhau như không.

o o o

2) — Tánh hay vì người ta gỡ chuyện rối rắm, có cái thói như sách sĩ đời Chiếu-quốc : anh em có điều gì khốn nạn không phân giải được, tiên-sinh tới phân giải một đôi câu thì yên ngay. Nhiều khi người ta biện chiết trăm ngàn câu, mà không rõ rạch được, thì sao cũng mời tiên-sinh, tiên-sinh mới nhân tình lý, lời lẽ rõ ràng, nên đàn bà trẻ con ai cũng hiểu mà thích nghe nữa.

Tiên-sinh thích xem tiều-thuyết Liêu - trai, Thủy - hủ, Hải-dục, Tây - du, Kỳ - quan tình sự (đều sách tiều-thuyết xưa), cho đến tiều-thuyết mới, nhiều thứ thuộc lòng, mà kể chuyện lại hay lắm. Đồng một chuyện đó, người ta kể thì ngòai mà buồn ngủ, không muốn nghe chút nào; đến tiên-sinh kể thì có đầu đuôi, có tăng thứ, có hứng thú, ai ai cũng thích, như xem một lớp tuồng hay. Vì thế nên trên từ văn bằng học hữu, dưới đến bồi bếp phu xe đều cho tiên-sinh là ông vui chuyện.

o o o

3) — Tiên - sinh có tính không chịu khuất, không kỷ người bạc nào, lấy đều trái lẽ mà gạt mình thì cự lại ngay, dầu cho kẻ quyền thế cũng vậy. Lệ thường học trò với quan Huấn, quan Giáo (Huấn đạo, Giáo-thọ là quan dạy trong một huyện, một phủ, quan

đặt ra có quyền xá học trò trong lúc khoa hạch) không kỳ mình có học hoặc không có học với quan đó, đến kỳ mồng năm, ngày tết, phải có lễ thức-tu (l) tới làm lễ tết thầy. Một ngày nọ tiên-sinh cùng hai người bạn, bưng một mâm gạo, trên đặt ba quan tiền, tới trường xin vào yết kiến quan Huấn Ngô . . . tên hầu của quan xem thấy, liếc mắt ngó một cái, rồi đi vào. (có ý ghét lễ ít, khác những học trò khác, thường thường đến kỳ khoa hạch là mùa của quan Huấn, quan Giáo, học trò không những tết nhứt hậu lễ mà thôi, lại còn lo lót nữa, vì muốn lấy cho mình đồ, học dốt mà lễ nhiều cũng đồ được. Ấy thôi thầy dạy cùng học trò nước ta, đến bây giờ vẫn còn, chán chưa !) gõ cửa không thấy ra, tiên-sinh gõ cửa đại, làm như chừng muốn xô mà vào, tên hầu ra ngăn trở rằng quan có khách, và la lớn rằng : «trò này vô lễ!». Tiên-sinh giả làm đứng tên hầu một cái, sây tay đồ mâm gạo, lật tiền đi về. Quan Huấn nghe tên hầu bẩm, giận lắm, tư giấy vào huyện xin quan huyện bắt tiên - sinh trị tội (anh huyện lúc đó là Hồ , . . một tay ác có tiếng, thường bắt người vô tội giam phạt ăn tiền mới tha.) Huyện nọ nghe lời quan Huấn, hạ trát cho sai nha tới bắt tiên-sinh. Ai thấy vậy cũng chắc rằng sẽ bị nhục. Tiên-sinh tự nhiên ra đi, đem đồ câu theo, đến cầu cống làng Chiên-dàn (là làng sỏ tại trường Huấn, đường đi vào Huyện phải đi ngang qua), bảo người bạn rằng : « chiều nay tôi lại câu tại cống đây ».

Đến Huyện, anh Huyện ta tác sắc lập nghiêm, nạt rằng : «Sao anh là học trò mà lại vô lễ với thầy anh ? » Tiên-sinh nói học trò đã bưng lễ thức-tu đến xin yết thầy, sao gọi là vô lễ ? cụ không cho vào và xô đẩy mắng nhiết, làm ra sự bất lịch - sự, là tại tên hầu ; không trị tên hầu đó, mà phiên hộ tới học trò, lại làm phiền đến quan lớn, phải hạ trát văn, phải sai dịch đi tới làng tận nhà, bắt một anh học trò như nã một tên bọm. Ấy thầy tôi đã tự xử chỗ vô lễ rồi, quan lớn không cần hỏi kỹ nữa.

Anh Huyện thấy tiên-sinh nói ngay lý thẳng, và xem khí sắc cũng coi vững vàng, không thể lấy đầu phi lý má dọa được. Phất lạt qua loa cho rồi chuyện. Chiều hôm ấy, tiên - sinh hẳn về câu

cổng Chiên-đàn. Người ta hỏi sao, chắc anh Huyện không làm đều nhục mà giam phạt (giam phạt là một sự chắc phải chịu, không luận việc gì, tới cửa nha thì thế, nực cười chưa!). Tiên - sinh nói rằng: Hồ là một tay lão hoặc rành việc lại, lấy một ông huyện trị một anh học trò, hơn không ai khen, nếu thua hoặc có xảy ra việc gì, thì mang tiếng, hưởng việc này xuất tự ý riêng anh Huấn. cạy thế dọa bậy đó thôi; ma bắt coi mặt người, tên Hồ gian hùng có chịu ra tay làm những việc đó đâu!

Anh Huấn ta vì việc đó, căm giận lắm, sau đến khi hạch thi, bọn môn hạ (mấy tên học dốt đua kót) lại thúc anh ta, anh thảo một tờ tư với quan Đốc-học tỉnh, cùng quan Tỉnh rằng, tên Phan vô hạnh và lại con quan ngục (Chuyên-vận-Sứ) xin đừng cho vào hạch thi. Tờ Tư chưa kịp phát, có người nói với tiên - sinh, tiên-sinh tức giận, đi thẳng tới nơi trọ, tìm anh Huấn giữa đám học trò đông, tiên sinh biện bác rầy rà, lời lẽ ngay thẳng, và giọng nói dữ dội lắm, anh Huấn ta không trả lời được câu nào, tiên - sinh nói câu cuối cùng rằng: Tờ Tư ấy phát bố ra, thì cái thù không đội trời chung, chớ không còn thầy còn trò chi nữa. Anh Huấn có bụng khiếp, căm tờ tư đó, chỉ bầm miệng mà thôi, rồi cũng vô sự. (Tiên - sinh độ ấy học tại trường Tỉnh, đã có tiếng, nên quan Đốc: Má-Sơn có binh vực cho).

o o

4) — Ở trong đám quan trường mà có lòng sợ được sợ mất, sao cũng bị người ta ngu lộng. Tiên-sinh làm một chức thuộc-viên ở Bộ mà xem cũng như không, nên không ai dọa nạt được.

Một ngày nọ trong cửa Ngọ - Môn, đang bài thiết triều nghị, anh Thị - lang nọ bận áo triều-bào, coi quân lính trần thiết nghị - trường, tiên-sinh cầm dù đi ngay vào, anh Thị ta cho là phạm tất, bảo bọn lính xô ra (vì tiên-sinh không đeo thẻ bài, nên giả làm không biết là ai). Tiên-sinh cầm dù đùa cả bọn lính, anh Thị ta lại gần, tiên - sinh tay nắm áo bào, cái chống hờ lâu, không chịu khuất, anh Thị ta thấy tiên-sinh khẳng khái, lại sợ xé rách áo bào không nói câu chi, bọn liêu thuộc xúm lại phân giải ra, anh Thị ta

về nhà giận lắm, rao lên rằng sẽ dăng sớ tham cách, ý muốn tiên-sinh tới nói một câu, dặng giải xấu với công chúng ; những bọn liêu thuộc cũng khuyên tiên-sinh hãy tới nói một câu cho xong chuyện. Tiên-sinh nhất định không chịu tới, nói rằng : có làm chi nữa, đến mất cái Thừa-biện này là cùng. Rồi bỏ đi chơi, việc ấy cũng yên ; vì biết tên nghịch hán nọ không lấy quan chức có không làm cần, không phải như người khác mà lấy đều tham cách dọa được.

Lại một lần nữa tại nhà ông Đào-nguyên-Phò (đồ Hoàng-Giáp ở Kinh, ham sách mới lắm, sau làm Chủ-bút báo Đại-Việt) cùng anh em bàn văn ông Âu, ông Tô, xảy có Ngự-sử anh Huỳnh... đến, chính lúc bàn luận đang say. Anh Huỳnh ta nói rằng : « Các anh không phải Âu, Tô, sao giám bàn văn Âu, Tô ? » Tiên-sinh vừa chào mà trả lời rằng : « Cứ như lời quan lớn nói đó thì chức Ngự-sử Triều-dinh cũng là hư thiết đó thôi ». Huỳnh mồ ngạc nhiên, không hiểu, hỏi rằng : Anh nói cái gì vậy ? Tiên-sinh nói : Không phải Thiên-tử, không được nói việc Thiên-tử, không phải Tề-tướng, không giám bàn việc Tề tướng, thì chức Ngự-sử không phải hư thiết hay sao ? Cả nhà cười ồ lên, anh Huỳnh ta có hơi thẹn.

o o o

5) Tiên-sinh là người thích thắng, không có cách cần-thủ mực thước như bọn hủ đạo-đức kia ; bình sanh trong trường quan cỡi sắc, dăm bạc cuộc say, chỗ nào cũng chui mình vào, không thêm trố tránh chi cả. Song đã biết là lụy thì tức thì gò ngựa, không bước vào nữa, chứ không có chút gì là quyến luyến. Thường bảo ông Nghè Trần (Trần-quí-Cáp, Tiến-sĩ trong tỉnh, bạn thiết với tiên-sinh) rằng : người ta lâm cái cảnh tình dục ham muốn, vào trong ấy mà lại ra được, mới là hào kiệt, mới là không nịch ; như các anh là đứng ngoài xa trông vào mà đã sinh lòng sợ, không dám lại gần đó thôi ; nhất dấn vào trong, biết đâu không mê mà bị nó lụy mình như các người khác ?

Ông Nghè Trần thâm phục câu nói ấy, song trả lời rằng : đề cho đến vào trong mà không ra được, thì không vào là hơn !

Một đời tiên-sinh hẳn đã làm được như lời nói. Hãy kể một chuyện như sau này :

Ở Kinh, ông Hầu họ có một người con gái, có tư sắc, biết nghề đờn, nghề thợ, tuổi độ vài mươi, chưa chồng, tường đông ong bướm đi về xôn xao. Một ngày họ, anh em cùng tiên-sinh tới chơi, nàng ấy thấy tiên-sinh dung mạo khác thường, có lòng ái tài, như Trác-vân-Quân với Trương-Như, cậy người ngỏ ý, tiên-sinh cũng nhận lời, song hứa rằng : đề cáo với phu-nhân nhà đã. Từ đó thì vẫn qua lại hơn vài tháng, có ý triển miên (trong tập thi có mấy bài tuyệt cú, có câu rằng : Biết dăng danh lưu giữa bụi hồng, gặp nhau há lẽ một cười không ?....) tức là làm hồi đó.

Ít lối tiên-sinh về thăm nhà, nàng ấy sắm tiền-vật đưa lên dò, tiên-sinh không nhận, nói rằng đợi về cáo với phu-nhân đã. Về đến nhà hồi lâu, thấy phu-nhân ở ngoài đi vào, quần áo lang thang, tay chùn bùn lầy, hỏi ra thì coi cấy ngoài ruộng, về nấu cơm trưa, đặt đệm cho bọn cấy. Tiên sinh thấy thế, như nước lạnh xối sau lưng, nghĩ thầm trong bụng rằng, cái người trong mắt mình với cái người trong ý mình, khác nhau xa lắm: một mai mang người ấy về, biết đặt vào chỗ nào? Ngấm nghĩ một hồi, cái cao hứng mấy lâu đeo đuôi, và hăm hở mang về đó, biến đi đâu mất, không kờ một điều gì; cái dây tình dần dúi mấy lâu, chỉ một lưỡi dao đứt hẳn, như không có vậy. Nàng ấy lấy làm lạ, gởi thư oán trách, tiên-sinh không trả lời, chỉ viết một câu rằng: Đừng lấy có ta mà làm!

Than ôi ! ! Sóng sắc đắm người, xưa nay biết bao mà kể ! Câu chuyện tiên-sinh đó, thật nên nêu ra để làm gương cho bọn thiếu-niên sau này vậy. (Chuyện đó là tiên-sinh lấy nghĩa lý mà đoạn tình dục chứ không phải bọn cụ nội sợ vợ, không được lột miệng).

o o o

6) Nam-du về đi ngang Phan-rang, người Quản-đạo đó là người trong Nam, hơi thông chữ Hán, có tánh tự phụ khinh người ; tiên-sinh vẫn không quen biết, song nghe người ta nói, vào

chơi đi thẳng vào ngồi nói chuyện, anh Quân ta lấy làm lạ, tiên-sinh nói ; Ông quên tôi sao ? Sao không có ký tánh thế ? Anh Quân ta ngồi nghĩ hồi lâu, tiên-sinh lại nói : thông thả ông sẽ nhớ lại, xin cứ ngồi nói chuyện đã. Tiên-sinh thuật chuyện Nam-du và nói rằng : Trước nghĩ rằng Nam-Trung là đất Yên. Triệu nước ta, chắc nhiều người bị ca khăng khải..., nay xem lại chỗ thất không được như chỗ nghe. Nhân đọc cái thư gửi cho Trương công-tử một đạo (Trương là con nhà thế gia ở Nam-Trung ra ở Phan-rí chịu giới thiệu việc Nam-du cho tiên-sinh, đi vào Nam trước mấy lần, rồi gửi cho tiên-sinh một cái thư, không nói điều gì, chỉ giục tiên-sinh vào, tiên-sinh viết thư này trả lời, và từ đi về Bắc, đại khái nói thời cuộc cạnh tranh, cùng nước nhà suy sút, nói giống tiêu mòn, người có huyết tánh không lẽ ngồi yên được...). Anh Quân ta biết tiên-sinh kích mình, khen rằng : Như ông thật là người có đại chí. Tiên-sinh nói : sinh trong nước Nam ta ngày nay, mà không có lòng lo đến chúng tộc, thì không phải người nữa, có gì là đại chí ? Quân ta biết tiên-sinh là người khác thường, đại cách kính trọng, tiên-sinh nói tên họ rồi đi.

Đến Bình-Định, vào thăm ông Huyện Phù-cát, ông Nguyễn-quí-Long, ông ấy làm quan mà có tánh thích thẳng, ưa nghe tiên-sinh nói chuyện. Hồi ra về, đưa ra sân dùng đặng mãi, không chịu rời tay, và sách câu lưu-dẫn, tiên-sinh đọc liền rằng : « Lòng nhọc chánh thời uơn, một cõi đơn ca nghe đất dậy, kẻ đi người ở lại, hai ta tâm sự phú trời soi. . . » Ông Huyện mừng lắm như được một cửa bán, từ về xem đặc ý lắm.

Ra Quảng-ngãi, vào nhà ông Ân-Ba (Bổ - chánh hưu, Lê-Khiết, ở làng An-Ba, trước là môn hạ ông Thạch-Trì Nguyễn-Thân, gần đây thôi quan ở nhà, Thạch - Trì có ý sợ, ông ấy có tư-tướng mới nhiều ít), trong lúc nói chuyện, tiên-sinh muốn dẫn tới đường mới, bàn nhân-vật hiện thời và môn hạ Thạch-Trì, tiên-sinh nói :

- Môn-hạ ông Thạch-Trì không có người,
- Sao mà ông biết. ?
- Tài lực oai vang như Thạch-Trì, và cầm quyền nước đã

lâu, mà không làm được công danh sự-nghiệp lớn lao, chỉ rút cuộc đến phú quí một mình mà thôi. Môn-hạ có người, rao lại như thế ?

Ông Bố An-Ba, người phụ-khí, vì câu nói khích trên, có ý tức, nói.

— Ông chưa biết, chứ trong cũng có người...

Nói chưa dứt lời, tiên-sinh liền đỡ lời :

— Nếu có người thì ông Thạch-Trì lại không tin dùng.

Ông Bố đắc ý, vỗ bàn cả cười, nói :

— Thật như lời ông (vì lúc ấy ông Bố bị dãi lạt lẻo).

Than ôi ! Chỉ một bữa nói chuyện đó, mà ông An-Ba đòi ng-y chí-khí, cò lệ sĩ phu trong tỉnh, sau chết về cuộc dân biến năm 1908.

o°o

7) — Cụ Đề-Thám cứ hiềm miền Phồn-xung chống với người Pháp, hơn hai mươi năm, tiếng tăm lừng lẫy trong nước. Tiên-sinh vào ra mắt, cùng nói chuyện, khuyên cụ nên mở cửa dung nạp.... Cụ Đề muốn cầm tiên-sinh lưu giúp việc mà tiên-sinh không khấn. Sau nghe tiên-sinh Đông-dộ, và bị bắt ở Hà-nội, cụ Đề lấy làm tiếc, bảo thủ hạ rằng : « Phải ông Phan ở đây đã khỏi cái nạn ấy ».

o°o

8) — Tiên-sinh Đông-dộ về, nhà đợng-cuộc thường cho người tới thăm. Tiên-sinh muốn tới nói chuyện với Công-sứ Tỉnh, lại nghĩ rằng đường đột đi tới, có lẽ người ta khinh dể. Tiên-sinh viết một cái thư cậy người quen dẫn giao đem tới ông... Cố Đạo ở Trà-Kiều, có ý muốn nói chuyện. Cố ấy đã có nghe tiếng tiên-sinh, lại nghe nói đi Nhật-bản về và có làm bài điều trần, định ngày tới nhà thờ làng Phước-Kiều nói chuyện. Ông Cố hỏi tiên-sinh việc đi Nhật-bản có không ? Tiên-sinh nói việc ấy khó nói ; nói có thì người ta cũng không tin, nói không thì người ta nghĩ rằng có, chỉ tôi biết lấy tôi mà thôi, không phải zoi.

— Đi Nhật-bản thì đi đường nào ?

— Thế-giới giao-thông này, đường nào lại không đi được ? và tôi nghĩ giáo-sĩ như các ngài đều là người nước văn - minh bên Tây, nay sang bên này ồm một lòng bình-dẳng bác-ái, lo diu dắc nhân-loại, rõ xét thời cuộc, nghĩ việc tương lai, nên tôi muốn hầu chuyện, dặng tỏ tấm lòng uất-ức một đôi chút, không ngờ ngài lại hỏi những câu không khác chi giọng hỏi quan trường Annam như thế.

Ông... biết tiên-sinh có ý khích mình, trả lời một cách lạt lẽo rằng : nhà tôn giáo chỉ quản bên phần hồn mà thôi.

Ông Cố... biết tiên-sinh có hoài-bảo khác người, bèn nói rằng, ông đã có lòng như thế, sao không tới nói với Công-sứ ?

Tiên-sinh nói : « tôi sẵn lòng như thế, đã làm bức thư gửi cho Toàn-quyền Khâm-sứ rồi, song có một điều này nên tôi không muốn tới : Quan Tây sang bên này, hằng ngày chỉ tiếp kiến có đám quan-trường mà thôi, mà trong ấy thì nhiều kẻ ô my, không nhân cách. Vì thế nên người Tây có ý khinh người Annam, cho sĩ-dân cũng một bọn như thế, ấy là một điều lắm, nên tôi không muốn tới, và tôi muốn nói là việc quan-hệ đến lợi hại cả hai bên nước Pháp cùng Nam, chứ không việc riêng chi tôi. Quan Sứ có chịu đãi một cách khác, cách đãi quan Annam thì tôi mới tới. Ông Cố nói : đề tôi làm giới thiệu cho. Ông Cố mới viết thư cho Công-Sứ tỏ ý tiên-sinh yêu-cầu như thế. Công-sứ bằng lòng định ngày tới nói chuyện, hơn mấy giờ đồng hồ, từ đó quan Nam không lấy ông Sứ mà nhát nữa.

o o o

9) Mới ra Côn-Lôn còn giam tạm trong Bague (nhà ngục), tiên-sinh gửi tiền cho một tên Ma-tà nọ mua thuốc giấy v.v., lâu mà không thấy đưa vào, tiên-sinh ra cửa nhà giấy đòi mãi, tên nọ giận lắm, vu rằng tiên-sinh chửi mắng lính. Gardien-Chef

vào hỏi, tiên-sinh biện bạch cứng cỏi, Chef Tây cầm roi mây lăm lăm lại, tiên-sinh giựt mà bẻ gãy, anh Chef giận, xin với Tham-Biện phạt 4 ngày xiềng.

Theo lệ thường tù tội ra ở ngoài làng An-Hải, phải có lý hào nhận lãnh ; tiên-sinh ra ngoài xuất tự ý quan Tây, người làng không nhận không được ; tánh lại ngay thẳng, không chịu khuất như tụi tù khác, hào lý ghét lắm, được hơn một năm, nhân dịp trong Bagne có dịch, ngày chết năm ba người, bọn Lý dịch làng đó muốn trả nũa, lấy cớ tiên-sinh không đi trình duyệt, (người tội ra ở làng mỗi đêm phải tới hương hội trình duyệt rồi về) đến kêu với Tham-biện rằng tiên-sinh không tuân lệ làng, lại tánh ngang lắm, nhất định trả cho quan làng không giám lãnh nữa. Tiên-sinh nói rằng : con ma chuyên chế, con sát cường quyền, cũng kiên ông thần tự-do trong mình tau, đồ dịch quỷ làm gì. Tiên-sinh vào Bagne ở với anh em mấy ngày cũng bình yên không có việc gì.

Một ngày nọ tiên-sinh ăn xong vào trước (thường thường ở một phòng mở cửa ra ăn một lần, đợi xong hết vào một lượt với nhau, tên cai Ma-tà cầm xâu chìa khóa gián lên, muốn đánh, tiên-sinh thuận tay bắt lấy, quăng một cái rui nhắm trên trán tên cai ấy đổ máu, cai nọ thưa với Gardien-Chef nói với Tham-Biện bị bốn ngày ngục tối (cachot ou cellule : ngục tối).

10) — Ở bên Pháp cuộc Âu-chiến xảy ra, tiên-sinh không chịu đương binh, có người vu hãm, bị giam chín tháng, sau được thả ra, tiên-sinh làm lấy mà nuôi mình, thường ở quán khách về tầng lầu thứ chín thứ mười (ở thành Paris những người nghèo thường ở trên lầu cao nhất, vì ít giao-thiệp với ai), sau các nơi đô-thành hay bị nạn trái phá, tiên-sinh ra bãi biển ở với làng chài đánh cá, thường mời đi diễn-thuyết.

o o o

11) — Ở Tây về đến cửa Ô-cấp, đem đồ hành-lý vào tòa Thương-Chánh kiểm, quan Thương-Chánh hỏi tên họ, tiên-sinh

nói: đồ của tôi đó, ông hãy kiểm đi, không phải hỏi tên họ, Quan Thương-chánh giận nói rằng : Tôi qua An-nam đã mười năm, chưa thấy người An-nam nào như anh. Tiên-sinh rói Tôi ở Pláp mười bốn năm cũng không thấy người Pháp nào như ông. Nói rồi giờ túi lấy thuốc hút, quan Thương chánh hỏi : Sao lại ở đây mà hút thuốc ? Tiên-sinh nói : tôi xem cả tờ yết-thị dán đó, không thấy cấm hút thuốc. Thương-chánh cố cầm đồ lại mấy ngày, sau lại trả hết.

o°o

12) — Ở Sài-gòn mang bệnh, nằm nhà thương mấy hôm, nằm phòng hạng nhất như người Tây. Người làm Bếp mỗi bữa ăn, thường mang tới Tây trước, tiên-sinh biết mà ghi đó, bữa nọ bảo người Bếp rằng : ngày mai là phiên phải đem tới tôi trước, nếu không, chú phải bị kiện đó. Người bếp sợ cứ thứ tự mà đem, không dám làm qua nửa.

(1) — Thúc-tu là lễ học trò yết thầy.

Âu - dương-Tu, Tô-đông-Pha đều đại-văn-hào đời Tống.

Trác-văn-quan là một người con gái con nhà giàu, thấy Tư mã Tương-Như có văn tài, ưa mình. Chuyện đời Hán, Yên, Triệu, tại đất ở nước Tề, nhiều người hào kiệt.

Bài Văn của Cụ Sào-Nam tế Cụ Tây-Hồ

TUỒNG thiên diễn mưa Âu gié Mỹ, cuộc nọ kém thua
hơn được, ngó non sông mà nhớ bậc tiên tri!

Dấu địa linh con Lạc cháu Hồng, người sao trước có sau
không, kinh sấm sét nên đau lòng hậu bối.

Vẫn biết tinh thần đi tạo hóa, sống là còn mà thác cũng như
còn.

Chỉ vì thời thế khuất anh hùng, xưa đã rui mà nay càng thêm rui !

Lấy ai đây nối gót nghìn thu!

Vậy ta phải kêu người chín suối.

Nhớ ông xưa,

Tú dực Nam châu, linh chung Đà-hải,

Nghiep thừa gia cung kiếm cũng pha đường.

Nền tác thánh thi thơ từng thuộc lối.

Gan to tày biển, sức xông pha nào kè ức muôn người.

Mắt sáng hơn đèn, tài lạnh lợi từ khi năm bảy tuổi.

Vận nước gặp cơn dâu bể, đeo vai thân sĩ, còn lòng đau áo
mã xanh xoang.

Thối nhà chăm việc bút nghiên, giấu mặt hào hùng khi tạm
cũng khoa trường theo đuôi.

Song le,

Khí vẫn tranh vanh,

Chí cùng viễn đại.

Tài Mã-nê (1) đương chứa sức hô hào,
Tuồng Lộ-Địch (2) quyết ra tay đào-thải.
Đội tiên-phong đầu tá ! Gió duy-tân từ đông hải thổi vào.
Gương ngoại-quốc kìa là, sóng cách-mạng bởi Âu-châu dồn tới.
Dọc ngang trời biển rực vẻ văn-minh,
Tức tối nước nhà cam đường hủ bại.
Cá chậu chim lồng vợ vắn thế, sao công danh thôi vút lối
tầm thường.

Rồng mây cợp gió lạ lòng chi, miền thanh khí thử hô người
trung ngoại.

Cây tây học dẫn dò phương tự-chủ, Lô-Thoa, Mạnh-Đức so
ánh người xưa.

Mượn Đông-du thăm hỏi bạn đồng tâm, Hương-Cảng Hoành-
Tân lời len đường mới.

Ba tấc lưỡi mà gươm mà súng, nhà cường quyền trông gió
đã gai ghê.

Một ngời lông vừa trống vừa chuông, cửa dân-chủ đèn treo
thêm sáng chói.

Phong khiến,

Trình độ dân ta cao,

Trí thức dân ta giỏi,

Sức dân ta ngày một dồi dào,

Khí dân ta ngày càng cứng cỏi,

Một tiếng xướng có muôn tiếng họa, thần tự-do nên dùng
đỉnh về đây.

Bạn người Việt với thầy người Âu, ma chuyên chế dám dùng
dang ở mái.

Nào hay,

Trời đã éo le,

(1-2) — Mazzini và Louis XVI

Người càng quý quái.

Chứa chan máu quốc, nước vẫn vơ hồn.

Xao xác tiếng gà trời mù mịt tối.

Trường nô-lệ chung quanh là rần rít, vẫn cứu thời khen khéo
gây oan.

Ồ dã-man ngao ngán những hùm beo, miệng ái-quốc hóa nên
buộc tội

Thành Hà-nội ùn ùn mây ác độc, nào kẻ lãnh mình, nào
người chống thuốc, chữ âm-mưu tô vẽ đủ trăm đường.

Đào Côn-lôn rực rỡ lửa oán cừu, thấy người thương nước,
thấy kẻ thương nòi, tơ xướng loạn dệt thêu ra một mối.

Mưa dào gió dạt xui khách lưu ly,

Bề thăm trời cao xót ông chìm nổi.

Thần, Dật, Tuất, bấy nhiều năm tân khổ, khi đốn cây, khi
đập đá giữa bề trần gió bụi cũng thung dung.

Đặng, Hoàng, Ngô(1) ba bốn bác hàng huyền, lúc dốc rượu, lúc
ngâm thơ, ngoài cửa ngục lăm than mà khẳng khái.

Hội đem may cũng lần lừa,

Lòng đồ vẫn còn hăng hái.

Quay dấu lại giả ơn tù đảo, tấm thân già còn nặng gánh
giang sơn.

Bước chân đi tìm bạn Âu-châu, đôi tay trắng quyết phất cờ
xã-hội.

Ăn tái phạm vì lời thông Đức, dạ sắt vàng thêm thử lại
thêm bền.

Thư thất điều đón giá như Tây, uy sấm sét chẳng kinh cùng
chẳng hãi.

Gương vi-nhân treo những bao giờ,

Hồn cố quốc vừa về năm ngoái.

(1) — Các cụ Đặng-nguyên-Cần, Huỳnh-thúc-Kháng, Ngô-đức-Kế.

Trước mắt nào ai hớn hở, thấy ngựa xe luống ngấn ngựa chiều
Bên tai những tiếng kêu van, nghe sru thuế càng ngao
ngán nỗi.

Dưới miệng cộp giữ đoàn con đỏ, phúc trùng lai thêm
bận dạ tha hương.

Trên quyền người giữ giống da vàng, lòng cảm tử quyết lừa
quân hậu đội.

Ước những chuông hồi trống nhịp, khắp ba kỳ cho vang
tiếng reo hò.

Mới là anh trước em sau, dắc một lú đề đồng bào gắng gỏi.

Khéo vô tình trời chẳng chịu người,

Nên bất hạnh mừng mà hóa tủi.

Tiệc hoan nghênh mới đó, mận nồng rượu chứa' phai mùi,

Hội truy điệu ừ đây, thấp thoáng hương đà bốn khối.

Anh em ta,

Đất rẻ đôi đường,

Tình chung một mối,

Cánh tồn vong ai cũng nặng nề.

Nghĩa chung thì lòng càng bối rối.

Sóng gió một con thuyền chung chạ, ngọn chèo đương lúc
cheo leo.

Mây mù muôn dặm đất xa khơi, đều ngựa nhớ ai đang rười

Ngại ngừng thay người ngọc núi sa l

Ngậm ngùi những giọt châu mưa xối !

Thương ôi!

Bề bạc còn tro,

Trời xanh khó hỏi.

Nghìn vàng khôn chuộc lấy anh hào,

Tấc dạ dám thề cùng sông núi.

Trước đã giới thời sau càng giới nữa, dấu cộng hòa càng
ráng sức theo đòi.

Sống đã thiêng thời thác phải thiêng hơn, thang độc lập
quyết đều tay vịn với.

Lời này ông xét cho chẳng!

Lòng ấy trời đã soi dọi!

Ai tài! Thượng hưởng!

Phụ mấy bài thi của Tiên-sinh

DỊCH BÀI THƠ ÔNG NGHÈ TRẦN THAI-XUYỀN
TẶNG TIÊN-SINH LÚC Ở KINH (nguyên Hán - văn)

*Khỏi nước làng xưa vẫn điệu ông,
Gió xuân đưa thẳng đến non bông.
Hát pha khúc điệu tiên cười ngắt,
Mặt nhộm hơi hèm khách trống khêng.
Son phấn bàn chơi năm bảy chuyện,
Được thua hứng cũng một đôi sòng.
Ngư hồ giận bấy thuyền người chạp,
Ngọn sóng chiều hôm đội cửa đóng.*



CẢM TÁC

(Lúc Nam - du ở Phan - thiết năm 1905)

*Gió tố mưa giông đồ lộn phèo,
Trời già chi nở thất khi eo.
Gấm mùi trung hiếu nên cay đắng,
Giở túi văn chương đã mốc meo.*

Bọt điểm lửng xẵng lo chợ cháy,
Con hoang lơ lửng khóc cha nghèo.
Non cao biển rộng mệnh mông cả,
Mặc sức bơi chơi, mặc sức trôi.



CON MUỖI

Mình thì ngắn ngắn cẳng thì dài,
Nho nhỏ nhưng mà chẳng sợ ai.
Ít sức biết đâu mang nặng núi,
To gan có lúc cần cùn voi.
Xua tanh lũ kiến tuồng vô dụng,
Gây mật bày ong dạng bất tài.
Mình bạch gấm ra thua nghĩ hết,
Ăn người rồi lại nói bên tai.



HỌA THƠ NGƯỜI GỎI

Mưa dầm ai dội, nắng ai dang,
Sức nhớ ông Chi khóc đạo dàng. (1)
Rắn mắt dò chơi then tạo - hóa,
Sắn vai nhắc thử gánh giang sơn.
Gió giông nước cũ lòng đương bận,
Cây cỏ non Tiên dạ những màng.
Cuộc ngoại hồi nào tay quốc thủ,
Hơn thua một nước để ai hoàn.

(1) Cao-sơn-chánh-Chi, người đời Nhật-bản duy tân đi đâu khóc đó.

Đính - chính

Trang	Giòng	SAI	ĐÚNG
4	14	1 - 7 - 59	1 - 2 - 59
7	5	thì cái chính-sách	thì cái chính sách
7	11	dơ gác	giờ gác
8	5	nhà cái chân-lý	nhờ cái chân-lý
11	10	quyền Bá-hộ	quyền Bá-hộ
13	8	kháo chịu	khéo chịu
13	13	huyện làm quan	chuyện làm quan
12	29	vát mặt	vác mặt
14	28	tràng qua	trần qua
29	22	càng cười tiên-sinh	càng cười tiên-sinh
32	27	nhu là gì	nhà là gì
40	6	có việc gì hỏi đến	có việc gì không hỏi đến
41	27	phiên hô	phiên nộ
43	13	Âu, Tô ? Tiên-sinh	Âu, Tô ? (1) Tiên-sinh
44		Tương-Như,	Tương-Như (2),
45	5	Yên, Triệu	Yên, Triệu (3)
46	14	Phồn-xưng	Phồn - xưng
48	14	cũng kiên ông	cũng kiên ông
49	16	Âu-dương-Tu	Âu-dương-Tu (2)
49	17	Trác-văn-quan	(2) Trác-văn-quan
49	18	gá mình	gá mình (3)
51	7	đi tạo-hóa	đi tạo hóa
53	20	Quay đầu	Quay đầu

ANH - MINH

*Chuyên xuất-bản những
di-cảo các Cụ :*

Sào - Nam

PHAN - BỘI - CHÂU

Mính - Viên

HUỖNH - THỨC - KHÁNG

Thư từ dễ :

NGÔ - THÀNH - NHÂN

Hộp thư 59

— HUẾ —

Kiểm-đuyệt số 7311 ngày 4-7-1959

Nhà in PHÚ - THỌ — Huế

GIÁ 2.000